

DẪN BƯỚC THĂNG TRẦM

NGUYỄN BẢO HÙNG

« Il n'y a pas d'amour de vivre sans désespoir de vivre . »

(Không thể biết yêu thương cuộc sống nếu không từng phải sống trong tuyệt vọng.)

A. CAMUS (L'envers et l'endroit – Editions Gallimard 1958 – coll. Folio , p.107)

- I -

Sài gòn một ngày vào cuối tháng tư 1975.

Một ngày để chấm dứt một thời buổi loạn ly.

Một ngày để mở màn cho những đau thương đồ vỡ mới.

Một ngày để tôi bắt đầu sống thấp thỏm hoang mang chờ đợi một đổi thay sẽ phải tới.

Và một ngày đã tới để tôi lại khăn gói đi trả nợ đời.

Tôi phải đi trả nợ đời bởi vì đã có một ngày tôi được khoác trên thân hình bộ đồ lính.

Trảng Lớn, Phú Quốc, Long Giao , Suối Máu !

Ôi ! Những địa danh như những ngọn roi quất tàn nhẫn còn in hằn trong tôi bao vết thương dóm máu. Nhưng cũng những địa danh ấy, sao nay tôi lại nghe thân thiết gắn bó tưởng như chúng đã biến thành một phần xương thịt mình.

Trảng Lớn, Phú Quốc, Long giao Suối Máu !

Tên gọi của những địa ngục trần gian chọn làm lò luyện tội cho những kẻ sa cơ thất thế ? Hay chúng là danh xưng các trường đại học nhân dân giúp tôi làm cuộc cách mạng đổi đời ? Cái mớ danh hiệu dễ gây huyên náo ồn ào ấy đã một thời làm tôi xiết bao ê chề điêu đứng. Vậy mà cũng mớ danh hiệu ấy nay tôi nghe sao hồ hững tựa âm thanh lòng bùng của những điệu rao quảng cáo đã thuộc nằm lòng.

Trảng Lớn, Phú Quốc, Long Giao, Suối máu !

Cái gì còn lại ?

Còn lại trong tôi nay chỉ là ấn tượng sâu sắc của một chuỗi ngày gian khổ, một chặng đường thập ác kéo dài, một giai đoạn thử thách hiểm hoai để tôi được gặp lại chính tôi, biết nhìn ra giá trị đích thực nơi con người mà tìm về cuộc sống ý nghĩa cội nguồn.

Trảng Lớn, Phú Quốc, Long giao, Suối máu !

Ôi, những ngày đầu để tôi được biết thế nào là cuộc sống địa ngục !

Tôi bắt đầu cuộc sống địa ngục khi thời hạn mười ngày (1) đã qua đi mà ngày vẫn nối tiếp ngày, cuộc sống vẫn chỉ rặt một khôn mặt đứng dung bình thản. Bình thản đến độ ngày càng biến thành rắn danh độc ác.

Địa ngục là những trang tự kiểm đã bao lần viết đi viết lại mà cũng đành buông bút thử dài bất lực vì không kiếm nổi một vết tích tội lỗi để ít ra cũng tìm được niềm an ủi cho thân phận mình.

Địa ngục là những đêm bàng hoàng thức giấc, chân tay lạnh giá mà toàn thân lại ướt đầm mồ hôi vì cơn đau oằn oại của nỗi tiếc hận cứ cuộn cuộn dâng trào.

Nhưng đấy cùng địa ngục, chính là những buổi lên lớp để phải nghe thuyết giảng về khoan hồng nhân đạo, về hạnh phúc ấm no, về chủ nghĩa ưu việt, về tương lai nhân loại..., toàn là nhưng bức tranh thêu dệt tuyệt vời khiến ta càng thêm ngao ngán, mỗi khi bừng tỉnh, lại thấy mình hụt hẫng rơi tõm vào thực tại thế giới con người.

Anh quản giáo đang đứng trên bục giảng kia, giọng nói miền bắc với cách phát âm Hà Nội tôi nghe quen thuộc quá. Nó gợi nhớ cho tôi hồ Hoàn Kiếm, đường Cổ Ngư, những hàng cây rợp bóng mát, rộn tiếng ve sào. Tôi vẫn thích lang thang trên những con đường ấy trong những năm

đầu của thập niên 50, khi còn trong lứa tuổi chỉ ham trò me, hái sấu. Hẳn anh cũng đã từng đi lại trên những con đường đó. Nhưng còn hơn tôi, anh đã có những lúc được sánh vai chung nhịp bước đi. Rồi anh đã làm chồng. Rồi anh được làm cha. Rồi bỗng dưng anh lại rời bỏ tất cả những cái đó : những cái thân thiết nhất đem lại cho đời anh ý nghĩa. Anh rời bỏ trong tiếc nuối. Nhưng anh sẵn sàng rời bỏ để chấp nhận hi sinh. Anh sẵn sàng hi sinh ý nghĩa đời mình để hiến dâng cho điều mà anh cho là có ý nghĩa cao đẹp hơn : đem lại cuộc sống ý nghĩa cho tất cả mọi người. Anh tin tưởng như vậy. Hay đúng ra người ta đã làm anh tin tưởng như vậy. Niềm tin đó khiến anh hăng hái ra đi. Ra đi chấp nhận gian lao đói khổ. Ra đi bắt chấp bom đạn hiểm nghèo. Ra đi để thực hiện điều mà anh cho là sứ mạng lịch sử. Chiến thắng tại miền Nam càng làm tăng niềm tin ảo tưởng nơi anh. Bởi vậy anh đã nói, anh nói rất say sưa. Bởi vậy anh đã nói, anh nói với nhiệt tình. Tôi tin là anh thành thật. Tôi không hề cho anh muốn làm một diễn viên đại tài. Tuổi mới ngoài ba mươi, trán anh đã hằn lên những vết nhăn vì gian lao đói khổ. Khuôn mặt anh cũng đã sạm đen vì mưa nắng dãi dầu. Nhưng đôi mắt anh vẫn ánh lên một niềm tin vời vợi. Những cơn sốt rét ác tính trên dãy Trường Sơn đã tô đậm môi anh một màu xám xịt. Nhưng cặp môi anh vẫn nở đều, nở đẹp. Đẹp như có một ngày trong đời, lần đầu tiên chúng giúp anh run run xúc động bật lên thành lời để nói đến yêu thương.

Hôm nay anh lại đem tâm lòng đó ra để nói với chúng tôi. Anh nói về chính sách khoan hồng nhân đạo. Anh nói về những điều Bác Đảng dạy răn. Anh nói về độc lập tự do. Anh nói tới cả ấm no hạnh phúc. Rồi còn chủ nghĩa mác-lê thần thánh, chế độ chủ nghĩa xã hội ưu việt, thế giới đại đồng, thiên đường cộng sản... Ôi có điều nào mà anh không nói tới ! Anh nói miệt mài. Anh nói say sưa. Cả giờ rồi đứng trên bục giảng mà tiếng anh vẫn vang vang, giọng anh vẫn trầm ấm. Anh nói. Anh nói. Anh nói. Càng nghe anh nói, tôi càng ái ngại cho anh. Anh nói, anh nói, anh nói. Càng nghe anh nói, tôi càng xót xa cho tôi. Anh có người vợ và những đứa con. Tôi cũng có người vợ và những đứa con. Tiếng súng đã chấm dứt từ lâu rồi. Vậy mà sao giờ này anh vẫn đứng mãi trên bục kia để mà nói ? Vậy mà sao hàng trăm con người chúng tôi còn phải tụ tập

bên trong hàng rào kẽm gai này để buộc phải nghe ? Ngoài kia cuộc sống đã trở lại yên bình quá. Mảnh đất khô cằn bao quanh khu trại đã mượt mà một màu cỏ non. Bên trên bụi gai nay đã trở bông, đàn bướm đang nhớn như khoe sắc trong nắng vàng rực rỡ. Đằng xa kia, trong dãy rừng cao su, các hàng cây mới đây còn xơ xác tiêu tụy, nay đã xanh tươi màu lá. Chỉ riêng có mấy trăm con người chúng tôi là phải bó gối trong căn phòng ngột ngạt này để nghe anh nói.

Anh nói ! Anh nói ! Anh nói! Phá bỏ công cùm, độc lập tự do, anh *vừa* nói. Nhưng sao cả giờ rồi tôi vẫn ngồi đây mơ tưởng tới giải mây trắng lững thững trên bầu trời xanh ngắt? Anh nói! Anh nói! Anh nói! Tình dân tộc, nghĩa đồng bào. Anh *lại* nói. Nhưng sao mấy người vệ binh vẫn lăm lăm tay súng nhìn chúng tôi hằn học nghi ngờ? Anh nói! Anh nói! Hạnh phúc nhân dân, cơm no áo ấm, anh *còn* nói. Nhưng sao tiêu chuẩn của anh vẫn chỉ có mấy lạng gạo mỗi ngày? Còn tôi, khối thuốc của nửa bi thuốc lào mà sáng nay tôi cố ém để dần lòng đang làm ruột gan tôi phải còn cào vì cơn đói đã tới giờ hành hạ. Anh nói! Anh nói! Anh nói! Thế giới đại đồng, thiên đường cộng sản, anh *cố* nói. Anh nói liên tu bất tận như không biết mệt. Căn phòng bắt đầu hầm hập nóng. Trán anh đã lấm tẩm mồ hôi, nhưng anh vẫn mãi mê nói. Nhìn anh gân cổ lên mà nói, tôi bỗng nảy sinh ý nghĩ thâm phục. Tôi phục anh, tôi phục tôi. Tôi phục cái lũ giống người chúng ta quả đáng được tôn vinh làm chúa tể muôn loài. Thử hỏi có loài động vật nào nếu không phải là lũ người chúng ta mới có thể nghĩ ra được các ý niệm nào là độc lập tự do, nào là dân chủ dân quyền, nào là công bằng xã hội... Và nhờ trí tuệ thông minh, giàu óc sáng tạo chúng ta mới chế ra được nhiều cách hiểu khác nhau về các ý niệm cao siêu ấy. Bởi vậy mà anh và tôi, chúng ta mới phải bỏ cửa bỏ nhà, bỏ vợ bỏ con đi rúc bõ rúc bụi lũng chém giết nhau để tìm đường giải phóng cho nhau. Chém giết nhau chán, thấy không giải phóng đến kỳ cùng cho nhau, chúng ta lại tìm ra thêm chân lý là phải đem nhân nghĩa đạo đức để giảng cho nhau nghe. Vì vậy tôi mới được gặp anh trong căn lán oi bức chật chội này. Anh thì mồ hôi nhễ nhại cổ đứng trên bục giảng dài cổ ra mà nói. Còn tôi cái bụng xẹp lép cứ phải nghiêm chỉnh ngồi nghe. Thiệt quả là tài. Càng nghe anh nói thao

thao bất tuyệt, tôi càng thấy phục anh, tôi càng thêm phục tôi. Phục đến sát đất mà vẫn cứ phải ngồi nghe, tôi chỉ có nước quay ra hậm hực với lũ chim kia.

Cái đôi chim ngọc nghéch đang rìa lông rìa cánh cho nhau trên hàng rào kẽm gai quả là đồ vô tích sự. Không biết chúng sinh ra để làm cái khi mốc gì? Suốt ngày chỉ lêu lổng chơi bời chẳng chịu học hành làm ăn gì cả. Hết lú lo ca hát lại chọn khoảng trời trong xanh mà bay mà lượn. Bay lượn chán lại sà xuống mặt đất bạ cái gì nhặt ăn cái đó. Ăn uống no nê lại rủ nhau đú đờn, làm như được sống hòa hợp vô tư với thiên nhiên như vậy là sung sướng lắm đấy. Rõ thật sống mà không biết nhục. Đúng là quân bất học bất tri lý. Ừa, mà sao Đảng và Cách mạng lại không đem bắt nhốt chúng lại? Sao không bắt chúng đi học tập cải tạo như tôi để chúng được sáng mắt ra. Cứ để chúng mặc tình bay nhảy thế kia làm sao chúng thấm thía nỗi bài học không có gì quý hơn độc lập tự do? Không bắt chúng đi cày đi cuốc, phải đổ mồ hôi như tôi đôi lấy khoai sắn mà ăn làm sao chúng hiểu nỗi lao động vinh quang là gì? Và lại công tâm mà xét, mấy con chim này đâu phải là không có tội. Còn nhiều hơn tôi nữa là đằng khác.

Này nhé . Trong lúc tôi phải ngồi đây học hành nghiêm chỉnh mà chúng vẫn nhởn nhơ bên ngoài, đúng là chúng đã trốn tránh không ra trình diện. Đó là một tội. Không ra trình diện tức là không tin tưởng vào chính sách khoan hồng nhân đạo do Đảng và Cách mạng đề ra. Đó là hai tội. Không ra trình diện còn có nghĩa là chúng không chịu ăn năn hối cải, không muốn học tập cải tạo để trở thành công dân lương thiện. Đó là ba tội. Mà đã không chịu ra trình diện học tập để quay về với nhân dân, thử hỏi chúng còn con đường nào khác là tiếp tục cuộc sống bất lương bằng các hành động chống phá Cách mạng, chống phá nhân dân. Bằng chứng là hàng ngày chúng vẫn lén lút tìm nhặt các hạt thóc giống để ăn. Tội này mới tày trời , đáng chết làm sao! Thử nghĩ coi. Chỉ cần mỗi đũa hàng ngày đánh cắp vài hạt giống thôi. Mỗi hạt giống, nếu không bị đánh cắp, sẽ trở thành cây lúa trở bông và nở ra thành hàng ngàn hạt thóc mới. Mỗi hạt thóc mới dùng làm hạt giống sẽ lại nở ra thành hàng ngàn hạt thóc khác. Và cứ thế theo đà sinh sôi nảy nở theo cấp số nhân, mới tính sơ ta

cũng thấy chỉ cần một hạt giống bị đánh cắp tài sản Nhà nước đã bị hao hụt biết chừng nào. Vậy mà chúng lại đánh cắp mỗi đũa tới hàng chục hạt giống mỗi ngày. Ra quân này ghê gớm lắm đây, không có hiền lành tử tế gì đâu. Đúng là chúng có mưu đồ đánh cắp qui mô nhằm gieo rắc nạn đói khắp nơi, gây bất mãn trong quần chúng để tạo mầm mống nổi loạn chống phá Cách mạng. Âm mưu phá hoại này còn hiểm độc hơn chủ trương đốt sạch, giết sạch của giặc Mỹ trước đây bội phần. Tội của chúng, nếu đem xét xử, cho dù có chặt hết trúc ở Trường sơn dùng làm bút, tát cạn nước biển Đông pha làm mực cũng không kể xiết được.

Thế nhưng đôi chim lại như không hề biết đến tội lỗi tày trời của chúng là gì cả. Chúng vẫn thản nhiên bay lượn tìm kiếm thức ăn, rồi còn cả gan sà tới hàng rào gần phòng học của tôi mà đậu. Đã thế, hết mớm mồi, chúng lại rĩa lông rĩa cánh cho nhau, rồi còn lên giọng hót chiu chiu nheo mắt ngó tôi ngồi học nghiêm chỉnh như muốn chọc quê tôi một cách hỗn xược. “*Có cần hòng đi để yên cho tao học tập hay không, bớ lũ chim kia ? Bộ tưởng sung sướng lắm sao mà hót ngậy si lên thế! Đòi chúng mày rồi sẽ khổ lắm các con ạ. Chúng mày có biết tương lai là gì đâu. Hãy căng tròn cặp mắt ti hí lơ lơ của tụi bay ra để nhìn cho rõ cái hạnh phúc to lớn của tao đây nè. Tao phải ngồi trong phòng học này đâu có phải Đảng và Cách mạng muốn bắt nhốt tao. Trái lại Đảng và Cách mạng thương tao lắm nè. Đảng và Cách mạng giữ tao bên trong hàng rào kẽm gai này là muốn bảo vệ tao khỏi bị nhân dân ghét bỏ đánh đập trả thù tao nè. Đảng và Cách mạng còn nuôi cho tao ăn học để trở thành công dân chân chính nữa nè. Mỗi ngày tao được phát hai chén bo bo tiêu chuẩn để khỏi phải đi ăn cắp thóc gạo của nhân dân nữa nè. Nay mai học tập tiến bộ tao sẽ được Đảng và Cách mạng tha cho về nè. Chỉ cần chấp hành nghiêm chỉnh các mệnh lệnh do trên đề ra là tao sẽ được hoàn toàn tự do nè. Tao còn được vinh dự đóng góp vào việc xây dựng một xã hội mới đem lại hạnh phúc muôn đời cho con cháu mai sau nữa nè. Đã sáng mắt ra chưa các con. Sức mấy chúng mày bằng tao được. Quân khôn kiếp, đồ phản động! Chúng mày tưởng cứ được nhờn nhờn ngoài đó làm tao ham lắm phỏng. Ông đâu có thêm. Rồi ông cho chúng mày sẽ được biết tay ông...”* Tôi nay thế nào tôi cũng phải làm báo cáo

kể tội lũ chim mét ban chỉ huy trại mới được. Cho chúng đi tù rục xương cho bõ cái tội cứ hót líu lo làm tôi phát nhức cả đầu. Biết đâu tôi lại chẳng được dịp lập công với Cách mạng mà khỏi mang tiếng làm ăng ten phản bội các bạn đồng trại.

Không biết có phải đoán được ý đồ hắc ám của tôi hay không mà đôi chim bỗng vụt bay đi. Nhưng chúng không bay xa, chỉ lượn quanh quần vài vòng rồi lại chiu chiu lên tiếng gọi mấy con chim khác đến họp thành bầy. Sau đó chúng sà xuống tung tăng nô đùa trên bãi cỏ non lung linh ánh nắng. Nhìn chúng đùa rỡ vô tư như vậy, tôi cảm thấy vui lây với cái hạnh phúc hồn nhiên của chúng. Nhớ lại những ý nghĩ đen tối vừa qua, tôi đâm hồi hận và tự nhủ: “*Ừ mà thôi, chẳng nên bắt nhốt mấy con chim ấy làm gì, tội nghiệp. Thử nhìn lại đôi chân chúng mà coi. Nhỏ síu cỡ đó cày cuốc sao nổi. Còn khối óc chắc chỉ bằng đầu tăm thôi, hệ số QI phỏng có là bao. Sức mấy mà chúng tiếp thu nổi ánh sáng chân lý Cách mạng. Thà cứ để chúng được sống tự do bay nhảy còn hơn. Cho dù chúng có lỡ ăn lầm một vài hạt giống thì chúng cũng loại trừ được không ít sâu bọ phá hoại mùa màng. Như vậy là chúng cũng đã biết đoái công chuộc tội rồi. A, có vậy chứ! Thì ra Đảng không bắt chúng đi lao động cải tạo, đâu phải là không có lý do. Đảng đâu cần nhờ tới tôi làm báo cáo. Với tai mắt nhân dân ở khắp nơi chúng làm gì mà Đảng không biết. Sở dĩ Đảng tha tội cho chúng vì biết rằng, ngoài cái công diệt trừ sâu bọ, chúng còn cần thiết cho việc đem lại ý nghĩa cho cuộc sống này. Giả thử không có tiếng hót líu lo của bầy chim kia, biết tìm đâu những những nốt nhạc tươi vui làm tan loãng cái không khí ngột ngạt của đời sống tẻ ngắt này. Nếu không có những bước chân xinh xinh rỡ rảnh của chúng, trước mắt tôi chỉ thấy sừng sững dựng lên những hàng rào kẽm gai nhọn hoắt, hình ảnh của một thế giới đầy rẫy ngục tù do con người, ở bất cứ đâu, chỉ chực tìm cách dựng lên. Và cuộc sống chỉ là một sự vận động đơn điệu, được lên giây cót bằng những khẩu hiệu bất di bất dịch: gia tăng sản xuất, phấn đấu vượt chỉ tiêu, gian lao khắc phục... Thế mới biết Đảng ta quả là biết trông xa nhìn rộng, xử lý chẳng những chí công vô tư mà lại có tình có lý nữa.*” (2).

Mấy ý nghĩ này làm tôi nhẹ nhõm, cảm thấy tìm được hòa giải với chính mình. Tâm hồn lâng lâng thơ thới, tôi như đang chấp cánh mon men lại gần bầy chim. mấy con chim tỏ vẻ không hề thù nghịch, trái lại chúng còn ra vẻ mừng rỡ, vồn vã mời tôi tham dự cuộc chơi của chúng. Tôi hân hoan phơi phới thấy mình được là chú chim sẽ đang sống cái hạnh phúc hồn nhiên của bầy chim non vô tội...

“*Không có gì quý hơn độc lập tự do...*” Tiếng nói bỗng rống lên phá tan bầu không khí nặng trĩu làm mọi người đang mơ màng gật gù phải sực tỉnh. Ủa! Ra anh cứ nhất định đứng đó để nói mãi sao? Bây giờ đã sang trưa rồi; những tia nắng rọi thẳng lên mái tôn đang biến căn phòng này thành một lò lửa. Hơn trăm con người tập trung nơi đây đã trở thành những pho tượng sáp trong tư thế ngồi chịu đựng. Riêng tôi, con đói lại trở về hành hạ khiến tôi chỉ mơ tưởng tới chén bo bo tiêu chuẩn đang chờ đợi ở chỗ chiếu nằm. Thế nhưng anh quản giáo vẫn không chịu ngưng nói. Anh nói. Anh nói. Anh nói. Độc lập Tự do, mặt đỏ bừng anh hăm hờ nói. Vâng! Hạnh phúc ấm no. Tôi nghe. Tôi nghe. Tôi nghe. Cái bụng xẹp lép, toát mồ hôi tôi nghe. Từ nãy tôi nghe đến ù tai chóng mặt, mắt đỏ hào quang mà anh vẫn cứ mãi mê nói.

“*...Dưới ánh sáng của chủ nghĩa mác-lê vô địch, Đảng sẽ lãnh đạo nhân dân ta tiến lên chủ nghĩa xã hội ưu việt. Mai một khi học tập tiến bộ trở về rồi các anh sẽ thấy: Trong xã hội mới mọi người đều bình đẳng, và sẽ vĩnh viễn xóa bỏ mọi bất công xã hội. Sẽ không bao giờ có chuyện kẻ chỉ biết móc ngoặc, làm ăn lươn lẹo được ngồi mát ăn bát vàng, còn người lương thiện chân chính cứ phải nai lưng lao động tới ngày vẫn không đủ sống. Cũng sẽ chẳng bao giờ ta còn phải chứng kiến cảnh con cháu những kẻ cửa quyền nghênh ngang xe ngựa, còn con cái thường dân phải bỏ học đi moi rác kiếm miếng ăn như thời Mỹ-Ngụy trước đây. Vậy anh em hãy an tâm học tập cho tốt. Mai một khi được Cách mạng tha cho, anh em trở về sẽ thấy...*”

Nhìn anh hăm hờ nói, khuôn mặt đỏ gay như anh say rượu, còn cặp mắt giờ đây muôn bốc lửa như người bị đồng nhập, tôi bỗng lên cơn thịnh nộ. Tôi giận anh. Tôi giận tôi. Tôi giận lây cả đến lũ chim kia. Tôi muốn trái đất này nổ tung để khỏi phải thấy anh, thấy tôi, khỏi phải

chứng kiến cái hạnh phúc hồn nhiên của bầy chim hèn mọn đó. Tôi muốn vạn vật đều tan thành tro bụi để được quên đi hết thảy. Quên anh, quên tôi, quên cái không khí ngọt ngào trên mảnh quê hương rách nát này, nơi đó có những khối óc, có những con tim, nơi đó có những con người biết nói đến tình, đến nghĩa, biết nói đến yêu thương, biết lựa lời hay ý đẹp để nói cho nhau nghe; nhưng thực tế lại là cuộc sống địa ngục với hận thù còn chồng chất và đói khổ, dốt nát, bệnh tật vẫn tràn lan.

Ôi ! Địa ngục ! Ôi ! Địa ngục !

Thì ra địa ngục không phải chỉ là tha nhân như ta vẫn thường hiểu qua câu nói của một triết gia (3). Địa ngục nhiều khi do ta tự tha hóa nơi ta để trở thành một tha nhân với chính ta và đem reo rắc địa ngục cho kẻ khác.

Trảng Lớn, Phú Quốc. Long giao, Suối Máu !

Ôi! Những năm tháng sống phấn đấu để khỏi bị nhận chìm trong vũng lầy tuyệt vọng.

Năm giờ keng báo thức. Tập học điểm danh. Phần ăn tiêu chuẩn chưa kịp giặt lưng, đã nghe tiếng thúc dục cuộc xeng lên đường. Lại những con đường cỏ ngập lối đi. Lại những mảnh đất sỏi đá chưa hề mang dấu vết khân hoang. Thế là một ngày lao động cải tạo bắt đầu. Và vẫn chỉ là một động tác liên tu bất tận: cuốc. Hôm nay thứ hai hay thứ bảy? Cuốc. Đây là Phú Quốc hay Long Giao? Cuốc. Mùa hè nắng thiêu đốt lửa? Cuốc. Mùa đông gió bắc lạnh căm? Cuốc. Cuốc nữa đi. Cuốc mạnh vào. Còn phải phấn đấu cuốc nhiều hơn nữa. Cuốc! Cuốc! Cuốc! Cuốc miệt mài... Cuốc vô vọng...

Năm giờ chiều. Lại tiếng keng báo hiệu thu gom cuộc seng. Lại tập họp điểm danh. Lại chờ lệnh di chuyển về trại. Thế là một ngày trong đời sống cải tạo sắp chấm dứt. Một ngày như mọi ngày. Một ngày không buồn nhớ. Một ngày chỉ muốn quên. Như một ngày không tên. Một ngày chỉ mong chóng tới giây phút đáng kể nhất trong một ngày : cái giây phút được quyền cho thân xác rớt bịch trên khoang chiếu mà nằm. Nằm... Nằm... Nằm... Nằm bãi hoai, Nằm rã rượi. Nằm đầu óc trống rỗng để được nghe rõ niềm hoan lạc của con mọt như tử rần rần lan khắp cơ

thể như một chất độc được giúp ta sớm được thiếp đi trong một giấc ngủ vùi...

Đã tự bao lâu rồi, như một kẻ mang thú đau thương, tôi tự hành xác trong ngày cho cơ thể rã rời để có thể tìm lẩn trốn trong những giấc ngủ mệt nhọc. Để rồi sớm hôm sau khi nghe tiếng keng báo thức, tôi lại bật dậy vội vàng đi kiếm cuộc sống để tiếp tục thêm một ngày hành xác. Cứ thế, cứ thế... Ngày này qua ngày khác. Tôi như đi tìm ở nơi hành xác này một món linh dược hay đúng ra là một thứ cháo lú để quên đi thân phận hiện tại của mình, để chấp nhận được chỉ là tồn tại của một thân xác. Tôi e sợ những giây phút tâm trí thanh thoi, đầu óc bawst đầu suy nghĩ là những lúc tôi phải đương đầu với những trận bão tố khốc liệt của những câu hỏi dồn dập lại hiện ra. Tại sao ta bị xô đẩy vào hoàn cảnh này? Ta đã làm gì nên tội? Vợ con ta giờ này ra sao? Đến ngày nào ta mới ra khỏi trại này? Liệu ta có thể chịu đựng mãi cảnh ngộ này không? Tôi biết rằng cứ để mấy câu hỏi này cứ luẩn quẩn mãi trong đầu, sẽ có lúc trong làm bộ não tôi tôi muốn nổ tung, làm tôi bỗng lên cơn khủng xé quần xé áo, la hét om sòm, chửi rửa văng mạng để rồi bị đem nhốt vào nơi dành riêng cho những thành phần bị coi là phản động, là điên dại. Hoặc đêm khuya tôi sẽ phóng thẳng ra hào rào như là một thách đố để hoặc là trốn thoát, hoặc bị bắn hạ coi đó cũng là một con đường giải thoát. Nhiều lần tôi đã xiêu xiêu như muốn ngã theo lời kêu gọi mời mọc này. Nhưng tự đáy lòng dường như có tiếng thân quen nào đó lại vọng lên, ân cần nhắc nhở tôi chớ có dại dột, hãy kiên nhẫn chịu đựng. Và cuối cùng lời kêu gọi thì thảm nhưng tha thiết ấy đã làm sống dậy bản năng sinh tồn nơi. Nhờ vậy mà tôi còn sống, tiếp tục sống... Nếu ta có thể gọi như thế cũng là sống!

Năm giờ chiều. Keng báo hiệu thu gom quốc sủng. Thế là một ngày lao động cải tạo chấm dứt. Nhưng một ngày không hẳn như một ngày. Một ngày tưởng không buồn nhớ. Nhưng một ngày chắc gì đã dễ quên. Tuy cũng chỉ là một ngày không tên.

Bữa nay nhờ som hoàn tất công tác khai quang, chúng tôi được phép ngưng tay cuộc đi có đến gần một giờ để nghỉ ngơi trước khi có

lệnh về trại. Trong đời cải tạo viên có thêm một giờ nghỉ xả hơi trong ngày lao động, chẳng khác gì gặp ngày lễ lớn, tới giờ chia cơm may mắn bốc thăm trúng được phần thịt có dinh liền với cục xương cả. Cũng như mọi người, vừa buông tay cuộc tôi vội tìm một bóng mát làm chỗ ngả lưng. Tiếp đến là bắn một bi thuốc cối để tận hưởng cái khoái lạc do món quà một giờ nghỉ phụ trội khi không dùng dùng dần xác đến. Phải đã từng nếm mùi đói khổ trong đời sống cải tạo mới biết đến cái sướng đã đời chỉ nhờ có bi thuốc lò nhỏ nhoi hèn mọn. Khói thuốc rít vào làm bụng ta đang cơn đói càng thêm cồn cào, chân tay đã bại hoại càng thêm rã rời. Nhưng chính nhờ cái đói mệt sẵn có mà ta càng dễ bị đẩy tới giới hạn tận cùng của hiệu quả say khiến mọi cảm xúc rã rời cồn cào hầu như tan biến. Còn lại chỉ là một cảm giác lâng lâng sáng khoái tưởng như hồn ta đang tách rời cái thân xác hệ lụy và cõi lòng ta sớm được phiêu diêu nơi miền cực lạc...

Không biết tôi đã nằm trong tư thế này để kéo dài niềm hoan lạc ấy từ bao lâu rồi. Năm phút? Mười phút? Nửa giờ cũng là. Rất có thể... Cuối cùng biết không thể lẩn trốn mãi trong ảo tưởng được, tôi đành mở mắt để lại phải nhìn ra cái thực tại đang sống của mình. Đây rồi, mảnh đất vừa được cuốc xới lên vẫn còn ánh lên một chất non màu mỡ. Nhưng hình ảnh những người cùng tổ đang nằm quanh quất đây đó khiến tôi lại rơi vào tâm trạng chán nản rã rời hơn bao giờ hết. Mảnh đất mới đây còn hoang dại, nay đã trở thành màu mỡ, cũng là do công sức lao động của tôi đó. Nhưng thành quả lao động này phỏng có ích gì và liệu có thể giải quyết cho tôi được gì? Tôi đã phải đổ mồ hôi để chân dục thêm cứng, đá trở nên mềm không biết tự bao lâu rồi? Vậy mà công dã tràng vẫn hoàn công dã tràng, và mọi hứa hẹn khuyến khích cũng đều la bọt biển. Có ra sức càu cuốc cho lắm, sáng sáng vẫn thấy mình được trước một khoảng đất hoang tưởng như vô tận. Và cuộc sống, rút cục vẫn chỉ gom thành động tác duy nhất : cuốc. Bất chợt tôi liên tưởng tới nhân vật trong tập tiểu luận *Le mythe de Sisyphe* của A. Camus và tự nhủ : “*A, thì ra mình cũng đang làm công tác của Sisyphe đây.*” Ý nghĩ hiện ra bất chợt trong khoảnh khắc được nghỉ bất thường này không ngờ cứ lớn vồn

trong óc tôi để trở thành một ám ảnh không rời. Suốt chặng đường về và ngay cả sau khi đã ngả lưng lên chiếu, ý nghĩ này vẫn bám riết lấy tôi như một con đĩa đói bắt tôi phải thao thức. Thế là tôi hết tìm được giấc ngủ lấp lú thường lệ. Thế là tôi lại phải trực diện với điều mà cho tới nay tôi vẫn tìm cách lẩn tránh. Tôi buộc phải đi tìm cho câu giải đáp cho những câu hỏi tôi không muốn đặt ra. Cớ sao ta lại lâm vào cảnh sống này? Ta có thể chấp nhận tồn tại trong thân phận hiện nay bao lâu? Việc làm hàng ngày của ta liệu có mang một ý nghĩa cứu rỗi nào chăng? Càng tự vấn tôi càng đâm bế tắc và cảm thấy mình còn mang thân phận bi đát hơn cả Sisyphe.

Sisyphe, nhân vật thần thoại Hi Lạp, vì can tội chống lại các thần linh nên bị đày xuống địa ngục và chịu thêm hình phạt là phải đẩy một khối đá nặng từ chân một ngọn núi cao lên tới đỉnh núi. Nhưng vì mỏm núi nhọn hoắt nên tảng đá khi được vùn lên sắp tới đỉnh, do sức nặng của nó, lại lăn trở về vị trí cũ. Vì thế, Sisyphe cứ phải hì hục làm mãi công việc đẩy đá một cách vô ích và vô vọng. Các thần linh đã chọn hình phạt này để trừng phạt đích đáng tội cả gan nghịch thượng của Sisyphe. Họ cho rằng không gì nghiệt ngã cho bằng bắt tội nhân phải kéo dài một kiếp sống đọa đày vô nghĩa. Vậy Sisyphe đã phạm tội gì để các thần linh muốn trả thù độc địa như vậy?

Truyện thuyết Hi Lạp lưu lại cho ta rất nhiều sự tích, nhưng lại không nhất quán về hành vi phạm pháp của Sisyphus. Theo lời Homère kể thì Sisyphe, chẳng dặng dưng trước cảnh thần Pluton để mặc cho đàn la thần Chết gây tang tóc nơi cõi trần, nên đã tìm cách trói tay thần Chết lại. Bực tức vì Sisyphus đã làm mất đi của mình một trò vui mắt, Pluton bèn ra lệnh bắt Sisyphe đày ải địa ngục. Nhưng có sự tích lại kể rằng Sisyphe, để cứu nhân dân thành Corinthe khỏi nạn hạn hán, có mách cho thủy thần Asophe là chính Jupiter đã bắt cóc con gái ông ta. Tức giận vì Sisyphe đã tiết lộ hành động xấu xa, Jupiter mới buộc Sisyphe phải lãnh án đẩy đá để trả thù. Lại còn một sự tích khác theo đó Sisyphe khi sắp chết, muốn thử vợ, đã căn dặn đem xác mình ra nơi công cộng. Bất mãn vì vợ thi hành y lời, như vậy là ăn ở không đúng tình người, Sisyphe bèn xin với Pluton được một lần trở về cõi dương để trừng trị

vợ. Nhưng khi thấy lại ánh sáng mặt trời, Sisyphé đâm ra luyến tiếc cuộc sống thế gian nên tìm cách trốn ở lại để tận hưởng thú vui trần thế. Cũng vì sự đam mê hạnh phúc thế gian này, bất chấp sự đe dọa của các thần linh, nên Sisyphé mới phải cực hình của tên nô lệ khổ sai chung thân.

Sự tích tuy nhiều, nhưng tựu trung ta vẫn chỉ có một mớ giả thuyết trái ngược về hành vi phạm pháp của Sisyphé. Chính tình trạng hỗn tạp mơ hồ này mới là yếu tố kích thích trí tưởng tượng dân gian khiến câu chuyện càng được thêu dệt hoang đường và tăng thêm tính huyền thoại của nhân vật Sisyphé. Nhưng huyền thoại phát sinh không cốt để nuôi dưỡng óc tưởng tượng hoặc để thỏa mãn nhu cầu về fantasmе. Huyền thoại vẫn sống động trong không gian với thời gian bởi vì nó còn mang một ý nghĩa biểu tượng : Đằng sau những sự tích hoang đường, số phận của mỗi nhân vật huyền thoại còn muốn nhắc nhở ta cần tra vấn ý nghĩa bí ẩn của cuộc đời. Là đứa con của mảnh đất Địa Trung Hải, dĩ nhiên là A. Camus không thể không chú ý tới số phận của Sisyphé. Và cuốn tiểu luận *Le mythe de Sisyphé* ông viết ra không ngoài chủ đích mượn câu chuyện về Sisyphé để tìm cách giải đáp cho vấn đề vốn là ưu tư trăm trở hàng đầu của ông, đó là vấn đề thân phận phi lý con người trước bài toán về tính phi lý ở đời.

Qua ngòi bút Camus, tôi tưởng như tìm thấy ở Sisyphé hình ảnh một con người tha thiết với cuộc sống thế gian. Nhưng hạnh phúc cõi trần lại nằm trong tay các thần linh chuyên quyền độc đoán với những sở thích tai ngược của họ. Bởi thế Sisyphé mới sinh nổi loạn. Sự nổi loạn này được coi như thái độ phản kháng trước những quyết định phi lý của họ và Sisyphé, nạn nhân của các thần linh, cũng chính là nạn nhân của tính phi lý ở đời. Ý nghĩa biểu tượng của huyền thoại là thế đó : bi kịch của Sisyphé cũng có thể là bi kịch của mỗi chúng ta ở đời. Có khác chăng là thời đại chúng ta thiên hình vạn trạng, khôn ngoan quỷ quyết không dễ gi nhận diện ra được. Họ thường núp dưới những mỹ từ đẹp đẽ có tiếp ngữ isme như imperialisme, capitalisme, nazisme, communisme stalinisme, maoisme, populisme... Cũng như Pluton trong truyền thuyết Hi Lạp lấy cảnh thần Chết ra tay sát hại sinh linh làm thú tiêu khiển, mấy

ông thần linh thời đại chúng ta thuộc dòng dõi họ nhà isme đã không ngần ngại ném hàng triệu sinh linh vào lò thí nghiệm cho cái lý thuyết của họ là hay tham vọng vĩ kỷ của muốn được trở thành danh nhân lịch sử. họ và tưởng rằng, nếu đem thực hiện, chúng sẽ biến họ thành những bậc vĩ nhân cứu thế. Để thực hiện tham vọng, họ không từ bỏ bất cứ thủ đoạn nào, cho dù có gieo rắc tai ương, gây ra chiến tranh chết chóc, đem lại bệnh tật, đói khổ cho đồng loại họ không cần biết, miễn sao thỏa mãn được ý đồ phô trương thanh thế hoặc dục vọng tham sân si của họ. Nhưng khôn ngoan hơn các thần linh trong các truyền thuyết Hi Lạp, các thần linh thời đại chúng ta lại khéo léo ngụy trang các mưu đồ vĩ kỷ bằng những mặt nạ nhân nghĩa mang chiêu bài đẹp đẽ như bảo vệ quê hương đất nước, thực hiện công bằng xã hội, tái lập tự do dân chủ nhân quyền, mưu cầu hạnh phúc thế gian... để khuyến dụ, mê hoặc hay ru ngủ quần chúng, biến họ thành những thần dân tự nguyện hay làm con rối trong bàn tay phù thủy của họ. Bởi vậy ta mới thấy các thần linh này xuất hiện với khuôn mặt đạo mạo khả kính. Và, cũng như Jupiter, chỉ khi nào ý đồ đen tối, hành vi ám muội bị lật tẩy, họ mới để lộ rõ bộ mặt thân gian ác của mình. Tiêu biểu cho các thần linh hiện đại thuộc loại này, ta có thể nêu trường hợp Vladimir Poutine, tổng thống nước Nga làm thí dụ điển hình. Để thực hiện tham vọng tái lập Liên Bang Xô Viết cũ, Poutine đã không ngần ngại phát động cuộc chiến tranh xâm lược Ukraine, khiến người dân Ukraine phải hứng chịu cảnh phi lý do đất nước bị tàn phá và bị chết chóc như thế nào. .

Nhưng cuốn tiểu luận của Camus không chỉ nhằm soi sáng giúp ta có ý thức hơn về những vấn đề của thời đại chúng ta. Chủ đích của ông là đi tìm giải đáp cho vấn đề mà ông cho là cơ bản nhất : Đó là xác định thái độ sống thích hợp trước ý thức về phi lý cuộc đời. Và ông đã dành trọn chương chót mang tiêu đề *Le mythe de Sisyphe* như tựa cuốn sách, để xác định một thái độ cho Sisyphe trước ý đồ trừng phạt của các thần linh. Theo ông, chính thái độ này mới là chìa khóa cho vấn đề nêu lên. Camus cho rằng trước quyền uy của các thần linh, Sisyphe không thể làm khác hơn là đành thọ phạt. Nhưng không vì thế mà Sisyphe chịu khuất phục. Đành rằng Sisyphe không thể phá bỏ sợi xích cột chặt mình

với tảng đá, cũng như không thể khước từ công việc đẩy đá mỗi ngày. Nhưng có coi việc làm nặng nhọc như một nhục hình khổ sai hay không, điều này lại tùy thuộc vào thái độ lựa chọn của Sisyphe. Tảng đá có thể là khối nặng ngàn cân các thần linh muốn dùng để đè bẹp Sisyphe đấy. Nhưng Sisyphe cũng có thể bằng nghị lực, bằng ý chí biến tảng đá kia thành thước đo khả năng đương đầu của mình. Tảng đá càng nặng, ý chí phấn đấu càng cao và chiến thắng của Sisyphe càng hiển hách thêm bấy nhiêu. Bởi thế mỗi lần tận lực vùn đợc tảng đá lên tới đỉnh là một lần Sisyphe có thể tự hào đã chiến thắng bản thân, khắc phục đợc nỗi tuyệt vọng để đánh bại các thần linh trong ý đồ trả thù của họ. Và như vậy, thay vì là một nhục hình khổ sai, từ nay Sisyphe có tìm thấy ở công việc đẩy đá một lẽ sống một lẽ sống, một nguồn hi vọng lấy đỉnh cao ngọn núi làm mục tiêu chiến thắng để đợc viên tinh thần. “ *Ta phải tưởng Sisyphe có hạnh phúc.*” (*Il faut imaginer Sisyphe heureux*). Đó là lời kết cho cuốn tiểu luận và cũng thông điệp nhà văn Albert Camus muốn gửi đến chúng ta. Tôi có thể rút ra gì đợc ở bài học này” ?

Xét cho cùng việc làm cuộc đát hàng ngày của tôi cũng vô vọng vô ích không khác chi việc làm của tên nô lệ khổ sai Sisyphe cả. Nhưng liệu tôi có đủ nghị lực can trường để dám phấn đấu nổi loạn như Sisyphe và tìm ra hạnh phúc trong lao tác cuộc đát hàng ngày hay không? Cha mẹ ôi! Câu hỏi khi không hiện ra khơi khơi, vậy mà căng lắ không phải chuyện chơi đâu. Tôi phải ráng trả lời cho khách quan và chính xác mới đợc. Biết đâu trong thân phận một tên tù cải tạo tôi ngày chỉ mơ tới bữa cơm bốc thăm trúng đợc phần thịt dính liền với cục xương(4), tôi lại chẳng là một nhân vật đang đợc đi vào huyền thoại mà không hay. Nhưng hãy tự hỏi tôi có đợc cốt cách của một Sisyphe hay không trước đã?

(còn tiếp kỳ 2)

(1) Chỉ hơn một tháng sau ngày 30 – 4 – 1975, ỦyBanQuân Quản thành phố Hồ Chí Minh ra lệnh kêu gọi tất cả cựu sĩ quan VNCH từ cấp đại úy trở xuống đều phải ra trình diện học

tập mang theo 10 ngày lương thực. Trước đó tất cả các hạ sĩ quan và binh sĩ cũng phải đi học tập ba ngày, rồi sau đó được bình an trở về tự do sinh sống. Do biện pháp này mà hầu hết các cựu sĩ quan miền nam đều tin rằng sau 10 ngày học tập cũng sẽ được tự do trở về.

- (2) Nhân dịp này tưởng cũng nên nhắc lại mẩu chuyện vui tưởng rằng khó tin mà hóa ra có thật, xảy ra vào thời cách mạng văn hóa tại Trung quốc, nói lên căn bệnh vĩ cuồng của những kẻ vẫn tự xưng là lãnh tụ vĩ đại cho rằng mình có quyền làm mưa làm gió, thay đổi luật tạo hóa để mưu cầu hạnh phúc cho loài người: “*Mấy anh bác học nhà quê trình lên Mao một con toán lập theo qui tắc tam xuất rằng nếu một con chim sẻ một ngày ăn hết bằng này hạt thóc thì toàn bộ chim sẻ ở Trung quốc trong một năm sẽ ăn hết bao nhiêu. Một con só khủng khiếp. Người cầm lái vĩ đại bèn hạ bút ký một nhát ra lệnh tiêu diệt bằng hết lũ chim ăn hại. Gần một tỉ dân đã ra đồng, khua chiêng, gõ mõ, thúc trống, đập mẹt, đập thùng, đốt pháo... làm cho trăm họ chim tróc kinh hồn thất đảm bay tán loạn, bay mãi, bay mãi mà không dám đáp xuống, không còn chỗ nào yên để đáp xuống, cho tới khi rã cánh thì rơi xuống mà chết, hoặc để bị đập chết. Tôi rùng mình khi nhìn thấy những bức ảnh xác chim cao như đống rạ trên bìa báo Trung quốc. Thiên nhiên lập tức cho Mao một cái tát trời giáng. Mất mùa. Sâu bệnh. Không còn chim để bắt sâu. Cùng với chim sẻ mất giống, chim biến mất trên đại lục mênh mông. Nạn đói hoành hành. Chẳng bao giờ người cầm lái vĩ đại lẫn đám đệ tử của ông ta nhận sai. Cái vụ tàn sát chim, cũng như những vụ tàn sát người, rồi bị lờ tít, cho chìm vào quá khứ, coi như chưa từng xảy ra.*” (Vũ Thu Hiền, *Đêm giữa ban ngày* – NXB Văn Nghệ, California 1997, tr. 110)

- (3) “*L'enfer c'est les autres*” (J.P. Sartre, *Huis-clos*, p. 92 Collect. Folio, Gallimard 1972). Với câu này, thực ra ý Sartre muốn nói rằng có sự tha hóa trong tương quan giữa người với người nói riêng hay trong tương quan xã hội nói chung : Trước cái nhìn tra vấn, soi mói của kẻ khác, ta trở nên lúng túng vụng về, đôi khi còn muốn biến đổi cách biểu hiện của ta để đóng vai nhân vật trước mắt kẻ khác. Cung cách ứng xử này làm mất đi phần nào cái ta trung thực, khiến cái ta bị tha hóa ít nhiều. Bởi vậy ta cần tự giải phóng ta khỏi ảnh hưởng chi phối của tha nhân để phục hồi cái ta trung thực và hiện hữu với ý thức tự do. Nhưng câu nói này không chỉ ý nghĩa theo quan niệm triết học của Sartre. Nó còn có giá trị thực tiễn trong cuộc sống hàng ngày. Đó là trường hợp của những nhân vật tha hóa do ôm tham vọng cải tạo thế giới : Như Poutine đối với người dân Ukraine trong mưu toan xâm chiếm đất nước này, hành động tàn ác của nhóm khủng bố Hamas khiến người dân Palestine phải hứng chịu do cuộc hành quân truy lùng càn quét của quân đội Do Thái Tsahal, hay những hình phạt khắc nghiệt dành cho người dân Iran, đặc biệt là giới phụ nữ, do những giáo điều khắt khe của đạo Hồi do giáo chủ Khomeini dựng lên. – NBH).

- (4) Thời gian đầu sau ngày trình diện cho tới khi được phép thăm nuôi, toàn thể cải tạo viên đều bắt buộc phải theo chế độ ăn chay trường, Hòa hoãn gặp ngày lễ lớn (như ngày 2-9 hay ngày Tết), mới đặc biệt được phát cho thịt heo. Khi chia ra mỗi người được phân thịt khoảng ba ngón tay. Kẻ nào bốc thăm trúng được phần thịt có dính liền với cục xương coi như là kẻ may mắn trúng số. Tuy số lượng thịt ít hơn các phần khác, nhưng người trúng thăm có cái lợi là được hưởng phần cốt tủy trong cục xương được coi là yếu tố bồi dưỡng hiếm quý trong giai đoạn này.

- II -

« *L'homme se découvre quand il se mesure avec l'obstacle.* » A. de Saint-Exupéry (*Œuvres -Terre des hommes, p.139 – Bibliothèque de la Pléiade - Editions Gallimard 1959*)
(*Con người phát hiện được mình khi phải đương đầu với thử thách.*)

Áp dụng phương pháp tự đánh giá bản thân mới tiếp thu qua học tập, trước tiên tôi thấy có điểm mạnh cho phép tin tưởng rằng, nếu không phải là con cháu đích tôn, thì ít ra tôi cũng có giây mơ rề má với dòng họ nhà ông Sisyphe: đó là sự đam mê hạnh phúc trần thế. Tôi yêu đời lắm các bạn ơi! Cũng như Sisyphe, tôi chỉ mong tồn tại mãi trên thế gian này để được hưởng đầy đủ các mục du hí đớp hít ở đời. Tôi vẫn nhớ cái lần đầu tiên tôi nhận được lệnh trình diện nhập ngũ. Hồi đó mặt tôi đang mọc mụn, giọng nói chưa hết ồm ồm, còn chân tay thì hễ gặp đàn bà con gái lại ngựa ngáy quíu quáo cả lên chỉ chực vồ bắt cào cào mà không biết đặt vào đâu cả: Nghĩa là hồi đó tôi mới ở cái tuổi đang thòm thèm muốn biết *sự đời* là cái chi chi, chứ tôi đâu đã được biết *đời, c'est cái la vie* nó như thế nào. Bởi thế tôi ham sống sợ chết lắm, chỉ tính chuyện kiếm cách để được gài số de thôi. Sẵn có vóc dáng thư sinh nho nhã, tôi cố nhịn ăn lại còn mỗi ngày tập đốt hơn bao thuốc với hi vọng biến nó thành tấm thân cò vạc và một buồng phổi lủng để được xếp vào loại bị lính chê (chứ không phải là chê lính), tha hồ mà ở nhà vi vút. Nhưng rút cục sau hai lần được hoãn dịch, tới lần tái khám thứ ba, mặc dù chỉ nặng có ba mươi lăm kí một và một bên phổi có lỗ chỗ chấm đen, tôi vẫn được ban giám định ưu ái tuyên bố trúng tuyển cuộc thi chọn người hùng kiêu mẫu đứng ra bảo vệ thế giới tự do.

Khỏi phải nói, các bạn cũng đoán ra là khi được gọi tên lãnh ấn tiên phong, cái *bu di* của tôi nó bị teo đi mất chừng nào. Ta thường nghe nói:

“Con nhà tông chẳng giống lông cũng giống cánh”. Lúc đó, tự xét mình tôi mới thấy chỉ đáng thừa hưởng của nhà ông Sisyphe có cái lông thôi; chứ tôi đâu có đủ uy dũng để mà vỗ cánh vẫy vùng như ông ấy được. Bởi vì đam mê cuộc sống thì có, còn như cả gan cưỡng lại mệnh lệnh thần linh thì không. Cũng vì thế nên khi mấy ông đại diện cho thần linh quốc gia bảo tôi phải cầm súng ra tuyến đầu để bảo vệ quê hương dân tộc, chính nghĩa quốc gia, bụng dạ tuy không mấy tin tưởng rằng hết thấy mấy ông đều một lòng vì dân vì nước, nhưng tôi đâu dám chống lại. Tôi chỉ thi hành lệnh miễn cưỡng thôi. Hễ có tiếng hô xung phong, bao giờ tôi cũng lon ton xách súng chạy sau anh em dăm ba thước và chỉ chực kiếm chỗ nào có mô cao là nhào xuống nằm thủ thế. Tôi ghì súng hé mắt chờ, thấy ai sấn tới tôi mới xả súng tự vệ; bằng không tôi cứ nín thình để khỏi lộ mục tiêu.

Khoan khoan, xin ai chớ có vội cười. Tôi biết rằng hành động như vậy là hèn nhát, là sống trên xương máu đồng đội, là không dám làm Lê Lai liều mình cứu chúa. Nhưng các bạn cũng nên thông cảm dùm. Tôi mới tròn tròn hai mươi tuổi. Tâm hồn tôi hãy còn ngây thơ trong trắng, tâm thân tôi vẫn chưa được lấm bụi trần. Đại gì mà xung phong hăng tiết vọt. Chẳng may trúng phải hòn tên mũi đạn, ngòm mắt củ tỏi, có phải là uổng phí một đời trai tơ không? Mà chết như thế liệu được ăn cái giải rút gì? Để được gắn thêm một cục (5) và truy tặng anh dũng bội tinh với ngành dương liễu? Chỉ được có vậy thôi à? Thế còn mấy người em gái ở hậu phương Sài Gòn, em nào em nấy đều thơm phưng phức cứ như là múi mít cả í, chết đi để các em lại cho ai hưởng? Để cho mấy tay hoạt đầu chính trị chuyên câu kết với gian thương lũng đoạn thị trường, để cho đám tướng tá bất tài tối ngày chỉ lo tính chuyện áp phe, để cho con cháu họ được quyền trốn lính nhớn nhớn ăn chơi ấy à? Bảo tôi đi thí tâm mạng cùi để bảo vệ cho mấy người ấy được sống phây phây tha hồ mà đớp hít thụ hưởng? Còn lâu í, tôi đâu có ngu gì. Ít ra tôi cũng đậu nổi tú tài một mới được cho đi học trường sĩ quan Thủ Đức chứ bộ. Bởi vậy, mặc dù bất mãn tôi cũng chỉ lo thủ cẳng thôi. Tôi chỉ biết lo thủ cẳng vì tôi sợ uy các ông thần linh quốc gia lắm. Tôi sợ uy các ông thần linh quốc gia đến độ mà khi họ đã leo lên máy bay trực thăng, noi gương ông

đại sứ nước cờ huê giàu mạnh tới phút chót chỉ kịp ôm vội lá cờ biểu tượng để bảo toàn danh dự cho chính nghĩa tự do còn lại đành bỏ của chạy lấy người, tôi vẫn mắt nhắm mắt nhắm lợi ôm súng tử thủ. Tôi vừa ôm súng vừa run muốn vãi đá ra quần nhưng vẫn cố tử thủ vì chót được nghe một ông tướng huênh hoang tuyên bố quyết tâm sẽ biến Sài Gòn thành một Stalingrad thứ hai, thề sống chết một lòng một dạ với quốc gia dân tộc. Để rồi phút chót ông vụt đổi ý, nhảy phóc lên chiếc trực thăng áp dụng bài bản “tẩu vi thượng sách”. Rút cục chỉ có đám lau nhau chúng tôi đại khờ ở lại, nhưng không có được cái hào khí của các vị tướng lãnh như **Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng, Phạm Văn Phú, Trần Văn Hai, Lê Nguyên Vỹ** ... cũng như không biết bao nhiêu chiến sĩ vô danh khác đã chọn cái chết vinh quang để bảo toàn danh dự và trung thành với lý tưởng. Không có được khí tiết như họ, tôi đành ôm phận tép riu để chịu lãnh nguyên cái cán búa.

Giờ tới lượt ông thần linh cách mạng lại trăm đầu đổ đầu tâm. Chúng tôi bị kết đủ thứ tội: nào là làm lính đánh thuê, nào là theo chân đế quốc bán nước, nào là cầm súng chống lại nhân dân, nào là các anh đã giết bao nhiêu chiến sĩ cách mạng để được mang quân hàm sĩ quan... Càng nghĩ càng đau, càng ngẫm càng thấy chỉ có dân thấp cổ bé miệng là luôn luôn chịu thiệt thòi. Hồi đó tôi có khoác bộ quân phục chẳng qua cũng vì cái lệnh gọi nhập ngũ cứ nhất định được nhét vào tay. Có vậy thôi. Tôi có ôm mộng công hầu khanh tướng gì đâu mà bảo là thích hăng say giết giặc. Thực ra tôi chỉ giỏi đánh võ mồm thôi. Nếu được trở tài đấu hót với ăn tục nói phét tôi đâu có chịu thua kém ai. Còn hơn nữa là đàng khác. Nghề của chàng mà. Chứ bảo tôi lao đầu vào nơi dầu sôi lửa bỏng í à. Xin lỗi nhờ anh tí, không có em đi hàng đầu. Của đáng tội, hồi đó thỉnh thoảng tôi cũng khoái lên bộ rằn ri làm ra vẻ ta đây cũng thuộc loại lính ngẫu như ai; nhưng thực ra chỉ cốt để lấy le mỗi lần xuống thăm các em dưới xóm thôi. Tôi có định gây gỗ ức hiếp ai đâu. Tôi con nhà lành mà. Tôi hiền như ma sơ í. Và tôi cũng hãy còn ngây thơ lắm. Không ngây thơ sao được mà khi có lệnh tập trung trình diện mang theo mười ngày cơm, tôi lại dặn vợ phải sắp đủ mười lăm ngày, nghĩa là cộng thêm năm ngày trừ hao để được chắc ăn như bắp. Đã thế bữa ra đi tôi còn phẩn

khởi hồ hởi ngoái cổ lại dặn vợ nhớ kiếm mua con gà thật béo nuôi để dành, chờ mai một học tập thành tài được thả về sẽ đem ra làm thịt, trước là để tạ ơn cúng tổ, sau cho cả nhà ăn mừng tôi đã học tập thành tài nên người. Vậy là tôi ngon. Tôi chịu chơi. Tôi đi tiền rất đẹp. Thế mà ông thần linh cách mạng lại đi nở tháu cáy tôi. Thế mà ông thần linh cách mạng lại nở đem ngậm tằm tôi hết năm này qua năm khác thử hỏi làm sao tôi không oai oái than trời như bọng cho được?

Tôi bị thua đau quá các bạn ơi! Đời tôi ba chìm bảy nổi cũng nhiều. Tôi đã từng bị đời và mấy em đá lên đá xuống không biết bao lần; tám thân có lúc tôi tả bèo nhèo còn hơn cả tám mền rách nữa. Nhưng chưa bao giờ tôi lại thua đau thê thảm bằng cái vợ này. Các bạn thử nghĩ coi. Vợ con với đời sống gia đình này. Sinh hoạt Sài Gòn nay trở lại bình thường vì đất nước đã sạch bóng quân thù, giang sơn đã thu về một mối này. Niềm tin vào chính sách khoan hồng nhân đạo trước sau như một của Cách mạng này. Hi vọng sẽ được góp phần vào việc làm cho đất nước tươi sáng hơn này. Ngân ấy thử tôi nhất nhất gom góp đem đặt hết lên chiếu bạc. Vậy mà nay tôi còn lại có thân xác tả tơi, bao tử lúc nào cũng trống rỗng, chỉ biết lấy khói thuốc cầm hơi ngậm ngùi ca bản “*chiều mưa mát chỉ anh đi về đâu?*”, thử hỏi tôi không cay cú sao được? Tôi coi như đã cạn láng rồi. Đôi lúc tôi cố lấy giọng định cất lời ca “*Đừng tuyệt vọng, tôi ơi đừng tuyệt vọng!*”, nhưng chỉ có toàn hơi thở phều phào không còn nghe ra tiếng nữa.

Hình ảnh Sisyphe toàn thân ướt đẫm mồ hôi, khuôn mặt dán chặt vào phiến đá tưởng như đã hóa đá, chân tay gân guốc cuộn cuộn ra sức vùn cho được tảng đá lên tới đỉnh núi lại hiện ra trong tâm trí. Tôi cũng nghe như vọng lên lời kết trong cuốn tiểu luận của Camus: “*Ta phải tưởng tượng Sisyphe có hạnh phúc*”. Nhưng tôi đâu có phải là một Sisyphe. Tôi thấy mình thuộc loại dân quèn như ai và cũng chỉ mong được an phận với những hạnh phúc nhỏ nhoi hàng ngày. Phải chi tôi có được cái bản lĩnh với khí phách hiên ngang của một Sisyphe nổi loạn. Như vậy ít ra tôi cũng hiểu được lý do của sự trừng phạt để tìm ra nguồn an ủi. Và ít ra, cũng như Sisyphe, tôi có thể lấy quyết tâm đánh bại ý đồ trả thù của các thần linh làm nguồn vui lẽ sống. Đấng này...

Còn nhớ khi ông thần linh quốc gia bảo tôi nhập ngũ, tôi cũng cắn răng cầm súng nói là để bảo vệ quê hương. Rồi đến lượt ông thần linh cách mạng quyết định gửi tôi đi học tập để rèn luyện cho thành người, tôi cũng hăng hái ghi tên theo học. Như vậy là tôi biết điều, tôi ăn ở phải đạo. Kế thừa truyền thống giáo dục của ông bà, tôi cũng tâm niệm rằng thế giới này trật tự đã an bài: mọi sự trên đời đều do một Đảng tối cao quyết định và trao quyền sinh sát thưởng phạt cho các đại diện là những vị thần linh. “Con ơi, tôi vẫn nhớ lời bà tôi khuyên nhủ, người ta ở đời ai cũng có số cả. Con ráng ăn ngay ở hiền, Trời Phật thương, rồi con sẽ được mọi chuyện tai qua nạn khỏi.” Tôi ngoan ngoãn, tôi biết nghe lời và tôi tin tưởng sẽ được sống yên ổn. Bởi vậy tất cả những điều được nghe giảng dạy, từ tôn giáo đến chủ nghĩa, lý thuyết, ý thức hệ... tôi đều cho là hay là đẹp. Thậm chí những lời thề thốt yêu thương trọn đời của mấy vị thần linh ái tình tôi được gặp tôi cũng tin tuốt luốt. Tôi cứ nghĩ lời phán của thần linh bao giờ chẳng là công bằng, chẳng là lẽ phải. Đại gì ta không phó mặc sự đời cho thần linh lo liệu giải quyết, lấy thần linh làm nơi nương tựa gối đầu. Như vậy ta sẽ được sống an tâm, khỏi phải ưu tư thắc mắc với những câu hỏi ám ố hội tề thuộc loại sao ta lại có mặt trên cõi đời này, cứu cánh hành động của ta là gì, cuộc sống này có ý nghĩa gì chẳng?

Ai ngờ vận nước nổi trôi, vật đổi sao dời, các biến cố thời sự dồn dập đã làm sụp đổ mọi niềm tin ảo tưởng nơi tôi. Các bức màn nguy trang đều bị xé toạc, tôi nay đã thấy mọi tín điều, tất cả những lý thuyết chủ nghĩa, ý thức hệ, thậm chí cả tình yêu đều không giải quyết được cho tôi vấn đề ý nghĩa của sự sinh tồn. Thực ra cho tới nay tôi chưa dám sống với mình cho trung thực. Cho tới nay tôi chỉ biết tồn tại bằng cách tìm thỏa hiệp với cuộc sống hàng ngày. Cho tới nay tôi chỉ sống theo kiểu tầm gửi bằng cách bám vào các lý thuyết, chủ nghĩa, ý thức hệ như là những giải pháp sẵn có ở đời để tìm ra một lẽ sống, một cứu cánh cho hành động. Thực ra cho tới nay tôi chỉ tìm cách tự ru ngủ, tự phỉnh phờ trong *sự nguy tín (la mauvaise foi)* để khỏi phải trực diện đương đầu với vấn đề thân phận con người. Nhưng vấn đề đó nay đã hiện lên với tất cả những sẵn sượng của thực tế phũ phàng. Tới nay tôi đã ý thức được

rằng mọi hành động đều là vô ích và cuộc sống, thực ra, không có ý nghĩa gì hết. Trong thân phận của một cải tạo viên giờ này tôi chỉ thấy dựng lên, sừng sững, một bức tường phi lý dày đặc. Tôi phải có thái độ sống ra sao đây? Tôi có thể chấp nhận tiếp tục cuộc sống vô nghĩa với động tác cuộc đất liên tu bất tận? Làm sao tôi có thể khoát khỏi nỗi tuyệt vọng trước công việc vô bổ nhằm chán ấy? Phải chi tôi dám có hành động hiên ngang khí phách như Sisyphe. Đẳng này... Càng nghĩ tôi càng thấy bế tắc và ý tưởng tự tử lại hiện lên. Nhưng lần này nó không chỉ hiện ra để rồi biến mất. Trái lại nó cứ lớn vồn quanh quất trong đầu, mỗi lúc thêm có xương có thịt để trở thành giải pháp ngày càng tăng sức quyến rũ. Ta có nên quyết định tự tử hay không? Câu hỏi hiện lên đột ngột phũ phàng làm tôi hoang mang bối rối. Và tôi chợt hiểu tại sao Camus đã dành nguyên chương đầu cuốn tiểu luận để bàn về vấn đề tự tử(6), coi đó là câu hỏi triết học nghiêm túc hàng đầu. Đúng vào lúc này tôi bỗng thấy hiện lên mòn một những dòng, những đoạn của một số chương mà trước đây tôi đọc không mấy quan tâm, chỉ đọc lướt qua, nhiều khi đọc cốt để được khoe là đã có đọc. Và giờ đây tôi mới thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa sâu sắc của những dòng, những đoạn chữ ấy.

Trước đây mỗi lần cầm đến cuốn tiểu luận, tôi thường chú ý tới chương chót nhiều hơn, có lẽ vì nó được mang tiêu đề *Le mythe de Sisyphe* như tựa cuốn sách. Mặc dù đã đọc nhiều lần, nhưng có lẽ còn chưa tách khoát ảnh hưởng của những sự tích truyền khẩu, tôi vẫn chưa tách thoát khỏi ảnh hưởng của những sự tích truyền khẩu, tôi vẫn quay về với hình ảnh thần thoại của một người hùng nổi loạn. Giờ đây trong cảnh ngộ sống đặc biệt này đã tạo điều kiện cho tôi nhớ lại, biết đọc ra và tưởng chừng đã hiểu được đúng hơn tư tưởng của nhà văn danh tiếng Pháp. Giờ đây tôi cũng đã biết thay đổi cách nhìn vấn đề,

Dưới ngòi bút Camus, Sisyphe quả là con người nổi loạn. Nhưng Sisyphe không nổi loạn cốt để tạo thành tích nổi loạn. Sisyphe không nhờ nổi loạn mới được sống mãi trong trí tưởng tượng dân gian như là người hùng nổi loạn. Thực ra dù có nổi loạn hay không nổi loạn, Sisyphe

cũng đã là nạn nhân của các thần linh rồi. Sisyphé phải nổi loạn vì muốn dành lại quyền làm chủ cuộc sống của mình.

Trong câu chuyện thần thoại Hi Lạp, ta có thể hình dung những chúa tể chuyên quyền độc đoán lấy việc lũng đoạn cuộc sống thế gian làm thú vui tiêu khiển. Họ đặt ra những luật chơi tai ngược để buộc mọi người phải tuân hành, Có tên Sisyphé chẳng may nhìn ra tính phi lý của các luật chơi đó. Thế là hắn biết đến nỗi bất hạnh lớn nhất ở đời. Cho tới giờ hắn quen sống an phận, đôi khi còn mãn nguyện với một vài ân sủng các thần linh trong những phút cao hứng ban cho hắn. Từ khi phát hiện được thân phận con rối của mình, hắn bắt đầu bất mãn và tính đến chuyện thoát ly để dành quyền sống. Nhưng hắn còn e ngại vì biết rằng các thần linh bạo chúa sẽ thẳng tay trừng trị những ai có ý đồ chống đối. Hắn đã tính chọn giải pháp làm ngơ, giả vờ chấp nhận luật chơi để được an thân. Nhưng mưu cầu sự bình an bằng một thái độ sống giả dối như vậy có khác gì khước từ quyền làm người, đó là điều hắn cho là không thể chấp nhận được. Dẫu có phải mang số kiếp nô lệ, hắn vẫn là con người và còn có phẩm giá của một con người. Các thần linh có thể đày đọa hắn trong thân phận của một tên nô lệ, nhưng không có quyền biến hắn thành món đồ chơi cho họ được. Thế là Sisyphé quyết định phải đứng lên đòi quyền sống để bảo vệ phẩm giá con người cho hắn.

Huyền thoại Hi Lạp, qua các sự tích, dù có diễn giải ra sao, ta cũng nên hiểu hành vi đó như là biểu hiện cho ý chí phản kháng của Sisyphé; và bản án chẳng qua chỉ là một toan tính thâm độc của các thần linh nhằm bắt hắn phải trả giá cho mưu cầu tự do này. Với bản án, các thần linh quyết không còn nương tay cho hắn được hưởng cuộc sống dễ thở như trước. Họ sẽ ném trả hắn về đúng vị trí nô lệ được dành cho hắn. Thế là từ nay Sisyphé sẽ phải làm công việc đẩy đá mỗi ngày để có dịp suy ngẫm hậu quả nổi loạn của mình. Sisyphé muốn có tự do ư ? Từ nay hắn sẽ được quyền hoàn toàn quyết định về cái thân xác nô lệ của mình. Hắn có thể chọn lựa sống mòn mỏi trong tuyệt vọng với công việc đẩy đá hàng ngày. Nhưng hắn cũng có thể chọn con đường giải thoát bằng tự sát để khỏi phải kéo lê một kiếp sống đày đọa. Khi đặt Sisyphé trước trạng huống vấn nạn (dilemme) này, các thần linh chắc hẳn sẽ làm cho

Sisyphé phải thối tha được cái giá hắn phải trả do ý thức nổi loạn của y. Thế là từ nay mỗi lần đứng trước tảng đá định mệnh, Sisyphé không tránh khỏi băn khoăn tự hỏi ta phải xử trí sao đây? Câu hỏi vắn nạn này đã ám ảnh tâm trí Camus, thúc đẩy ông đi tìm một thái độ ứng xử thích đáng cho Sisyphé. Và kết quả là, qua nhân vật huyền thoại Hi Lạp, ông tưởng chừng kiếm ra được chìa khóa cho vấn đề mỗi ưu tư hàng đầu của ông: vấn đề trước thách đố phi lý ở đời.

Trở về với câu hỏi cho cuốn tiểu luận : Nếu cuộc đời là phi lý, ta có nên tiếp tục mãi cuộc sống vô nghĩa mãi hay không? Thoạt xét, câu trả lời tương chừng thuận lý phải là không. Nhưng nếu tỉnh táo xét lại, ta sẽ thấy giải pháp này không triệt để. Thực ra tự tử không giải quyết cho ta vấn đề phi lý. Ta tự tử để phủ nhận phi lý; nhưng không vì hành động này mà ta thủ tiêu được phi lý. Xét cho cùng, tự tử không hề là là giải pháp, mà chỉ là một lối thoát cho những ai không chịu đựng nổi sự phi lý tức “ *cảnh sống trong mâu thuẫn giữa một thế giới u minh dày đặc và khát vọng của tâm linh muốn thấy mọi sự ở đời đều được soi tỏ* ” (“ *ce qui est absurde, c' est la confrontation de cet irrationnel et de ce désir éperdu de clarté qui résonne au plus profond de l' homme*” A. Camus – **Le Mythe de Sisyphé** – Folio, édition Gallimard 1942, p. 39). Vì ta mang ảo tưởng về cuộc sống thế gian, cái ngày phi lý bỗng dưng nhảy bổ vào đời tư của ta: ta chơi với, ta tuyệt vọng. Trong cơn hoảng hốt, ta vội cầu cứu thần chết. Nhưng ta có đẩy hay không có đẩy, phi lý vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt. Bởi vậy, nếu tỉnh táo xét lại, ta mới thấy tự tử chỉ là một hành động tự hủy vô ích. Nhưng “ *liệu ta có sống nổi với một bản án chung thân hay không?* (il veut savoir s' il est possible de vivre sans appel – Sdd, p. 78). Bản án chung thân là phải sống mãi trong tuyệt vọng, sống không trông mong hứa hẹn gì được ở ngày mai. Đây chính là câu hỏi Camus cho rằng mới thực sự quan tâm. Và ông cho rằng “ *Tới đây câu hỏi đã được đảo ngược. Nếu trước đây ta băn khoăn tự hỏi phải chăng cuộc đời cần có ý nghĩa mới nên sống thì nay, trái lại, cuộc sống càng đáng sống hơn chính vì nó vô nghĩa.* ” (A ce point, le problème est inversé. Il s' agissait précédemment de savoir si la vie devait avoir un sens pour être vécue. Il apparait ici au contraire qu' elle sera d' autant

mieux vécue qu' elle n' aura pas de sens – Sdd, p. 78). Cũng bởi cuộc đời là vô nghĩa nên ta mới cần phải. Sống để không đầu hàng định mệnh, sống để thể nghiệm phi lý, sống để đảm đương (assumer) thân phận con người. “ **Đảm đương**”, đây là cái ý then chốt ta cần làm cho sáng tỏ vì, theo Camus, điều quan trọng không phải là ta chối bỏ cái chết để chọn cái sống, mà là ta phải sống như thế nào. Ta có thể sống cam phận, nghĩa là thân phận phi lý như một số kiếp, một định mệnh do sắp đặt của một quyền lực bất khả kháng. Đổ lỗi cho số mệnh giúp ta tìm ra giải đáp cho vấn đề phi lý. Đồng thời nó cũng trút bỏ cho ta gánh nặng trách nhiệm với bản thân : Ta có thể vin vào số phận làm nguồn an ủi để có lý do tồn tại.

Ngược lại, ta cũng có thể khước từ sống cam phận để tỏ ra không đầu hàng với số phận. Nhưng thay vì đương đầu với phi lý, ta lại tìm cách né tránh vấn đề. Ta coi cuộc sống thế gian này chỉ là giai đoạn thử thách để chuẩn bị cho ta một cuộc sống mai hậu hoàn mỹ hơn : đó là đời sống vĩnh hằng thực sự. Do đó ta đi tìm lẽ sống trong niềm tin ảo tưởng mang hình thức tín ngưỡng, chủ nghĩa, ý thức hệ v.v... Nhưng đi tìm lẽ sống bằng một niềm tin ảo tưởng không hề giải quyết cho ta vấn đề phi lý. Thực ra đó chỉ là một cách quay lưng lại vấn đề hoặc đánh tráo vấn đề. Chúng ta tự tìm cách ru ngủ, tự đánh lừa bằng một niềm tin ảo tưởng để khỏi phải trực diện đối đầu với vấn đề thân phận phi lý con người. Đó là một thái độ sống giả dối, sống bằng ngụy tín (la mauvaise foi) mà A. Malraux, J.P Sartre, J. Anouil, Georges Bernanos... các nhà văn cùng thế hệ với Camus đều lên tiếng tố cáo (6). Riêng Camus, ông không ngần ngại coi thái độ đó là là một sự tự sát triết học (le suicide philosophique) vì, thực tế chúng ta đã tự thủ tiêu về mặt tinh thần để được tồn tại bằng thân xác “ *Tôi tự cho phép gọi thái độ tồn sinh đó là sự tự sát triết học* ” (Je prends la liberté d' appeler ici suicide philosophique l' attitude existentielle. Sdd. tr. 63). Rút lại, Camus cho rằng chỉ đảm đương thân phận con người phi lý mới thực sự là con đường cứu rỗi.

Đảm đương thân phận đòi hỏi ta một thái độ sáng suốt thành thực. Sang suốt để biết nhìn ra sự thật và thành thực để dám sống với sự thật. Nếu phi lý thuộc về cốt lõi con người và cuộc sống tự nó đã là phi lý,

chúng đừng trông mong tìm ra lẽ sống ngoài phi lý, nghĩa là chúng ta phải dám sống với phi lý, bằng phi lý. Mà muốn sống với phi, sống bằng phi lý, chúng ta không có cánh nào khác hơn là trực diện đối đầu phi lý, bởi vì “*phi lý chỉ có nghĩa chừng nào ta không tìm cách thỏa hiệp với nó.*” (L' absurde n'a de sens que dans la mesure où l' on n'y consens pas – Sdd, tr.52). Vậy “ *Sống là nuôi dưỡng phi lý, và muốn nuôi dưỡng phi lý ta phải dám chiếu tướng nó*”. . (Vivre, c' est faire l'absurde. Et le faire vivre, c' est avant tout le regarder – Sdd, tr.78). Đó là phương châm sống của Camus: “ *Có chiếu tướng phi lý, ta mới ý thức được rằng không có đời sống cho mai hậu. Và đó chính là lý do để ta quyết định rằng tự do tùy thuộc nơi ta*”. (L' absurde m' éclaire sur ce point: il n' y pas de lendemain. Voici désormais la raison de ma liberté profonde. Sdd, tr. 84). “*Nhờ dám chiếu tướng, ta mới thấy dấy lên nổi bất bình thành sức mạnh nổi loạn thúc giục ta phải đương đầu với phi lý. Càng ý thức được phi lý, ta càng được nuôi dưỡng trong quyết tâm chọn lựa nổi loạn, biến nó thành đam mê đem lại ý nghĩa cho đời sống; và ta quyết định từ bỏ con đường tự tử. Đó chính là bài học nghịch lý Camus rút ra được từ phi lý.*” (Je tire ainsi de l' absurde trois conséquences qui sont ma révolte, ma liberté et ma passion. Par le jeu de la conscience, je transforme en règle de vie ce qui était invitation à la mort – et je refuse le suicide : Sdd ; p.90) (7).

Tóm lại, nếu phi lý là vấn đề cơ bản đặt ra cho mỗi cuộc sống thì chỉ có dám đương thân phận mới là thái độ sống đích thực. Dám đương để không chối bỏ phi lý bằng tự tử. Dám đương để khỏi đầu hàng khuất phục bằng một thái độ sống cam chịu. Dám đương để khước từ cuộc sống tha hóa bằng cách đi tìm lẽ sống trong một niềm tin ảo tưởng. Dám đương để chấp nhận dấn thân vào một cuộc trường chinh. Dưới con mắt Camus, con người phi lý thực ra chỉ là một chinh nhân. (un conquérant). Nhưng không phải là chinh nhân theo nghĩa thường tình : Hắn không lao đầu vào cuộc phiêu lưu mạo hiểm do thúc đẩy của bản tính hiếu động. Hắn cũng là kẻ hiếu chiến thích gâychuyeejn binh đao để tạo dựng một sự nghiệp lẫy lừng Cũng là chinh nhân, nhưng chỉ có con người phi lý mới là kẻ biết đi chinh phục sự sống đích thực. Chỉ có hắn mới biết dấn

thân vào một cuộc hành trình gian khổ để đi tìm cái hữu lý trong sự phi lý nhằm đem lại ý nghĩa cho đời mình. Trong cuộc tìm kiếm này hẳn chỉ dựa trên có một vũ khí sắc bén nhất: sự sáng suốt. Là kẻ đi chinh phục sự sống, chỉ có hẳn mới biết lấy ánh sáng của ý thức soi rọi vào cái thế giới tăm tối dày đặc mưu toan phủ nhận hẳn. Và trước những thế lực thù nghịch chỉ rình chờ bẫy hẳn, hẳn càng cảm thấy cần biểu dương con người bằng một quyết tâm nổi loạn để khẳng định ý chí tự do. Và chính nhờ ý chí phấn đấu không mệt mỏi này mà hẳn tìm ra được sự đam mê đem lại ý nghĩa cho đời sống. Nếu hẳn có chọn đảm đương thân phận là để được sống cho mình; bởi vì hẳn biết rằng chỉ có hẳn mới là cứu cánh cho chính hẳn, và đời người chỉ có một; nếu hẳn muốn được là một cái gì đó thì chỉ có trong cuộc đời này mà thôi. (J'installe ma liberté au milieu de ce qui la nie. J'exalte l'homme au milieu de ce qui l'écrase et ma liberté, ma révolte se rejoignent alors dans cette tension, cette clairvoyance et cette répétition démesurée. Oui, l'homme est sa propre fin. S'il veut être quelque chose, c'est dans cette vie (7). Đó chính là động lực nuôi dưỡng ý chí phấn đấu cho Sisyphe, và đó cũng là lẽ sống hẳn mới tìm ra nhờ ý thức nổi loạn.

(4). Thời gian đầu sau ngày trình diện học tập cho tới khi được phép thăm nuôi, toàn thể cải tạo viên đều bắt buộc đi theo chế độ ăn chay trường. Họ hoàn gắp ngày lễ lớn (như ngày 2-9) mới đặc biệt được phát thịt heo (lợn) để ăn bồi dưỡng. Mỗi trại được phát một con heo cho toàn trại. Cái thủ, bộ đồ lòng, và chỗ thịt ngon lành dành cho ban Chỉ huy trại, dĩ nhiên. Phần còn lại được đem chia cho học viên toàn trại. Khi chia ra mỗi tổ được phần thịt khoảng hơn bàn tay để chia đều cho tổ viên từ tám đến mười người. Riêng tổ nào phần thịt có thêm miếng xương thì kẻ may mắn nhất trong tổ là người bốc thăm trúng được phần có dính cục xương : Tuy số lượng thịt ít hơn là các phần khác, nhưng người trúng thăm có cái lợi là một mình được hưởng phần cốt tủy trong cục xương được coi là yếu tố bồi dưỡng hiếm quý trong giai đoạn này. Đặc biệt có người, sau khi đã gặm hết tí thịt rồi, vẫn giữ lại miếng xương bỏ vào lon gô, mỗi lần lại đem ra hầm với rau thêm ít muối để nuôi ảo tưởng là mình đang được ăn cơm với canh thịt. Có người, do cục xương bị hầm đi hầm lại lâu ngày, đã trắng phếch còn hơn là xương bốc mộ nữa, nhưng vì luyến tiếc vẫn không chịu vứt bỏ.

(5) Gắn thêm một bông mai, tức là lên một cấp bậc theo quân hàm của sĩ quan quân đội VNCH.

(6). R. M. Albérés :**La révolte des écrivains d'aujourd'hui** - Editions Corrèa 1949, Chương mở đầu : *Littérature prométhéenne* pp. 11-25 (Thế hệ văn học Prométhée). Prométhée, nhân vật thần thoại

Hi Lạp, vì ăn cắp lửa thiêng của thần Zeus (Thái Dương) để đem ánh sáng văn minh cho loài người, nên bị thần Zeus trừng phạt bằng cách đem cột vào dãy núi Caucase để mặc tình cho chim ưng đến moi gan. Nhưng do sức sống bền bỉ nên mỗi lần bị chim ưng ăn hết lá gan, Prométhée lại mọc được lá gan khác để nuôi sống mình. Do ý nghĩa biểu tượng của cuốn truyện thần thoại này mà Alberes đã xếp các nhà văn kể trên khoảng 30-50 thuộc thể hệ Prométhée theo nghĩa :

a) Trước hết họ là những nhà văn phản kháng văn học. Dù là vô thần như Sartre hay Camus, hay là tín hữu công giáo như Bernanos, bằng cách này hay các khác họ đều lên tiếng chống lại các nền tảng văn học cổ điển đã trở thành những lâu đài rêu phong mục nát, những giáo điều đã trở thành xơ cứng và là thái độ nguy tín của những kẻ còn bám vào những hệ giá trị đã bị xói mòn.

b) Cũng như Prométhée tự nuôi sống bằng chính lá gan mình tái tạo, các nhà văn thế hệ Prométhée đều không dựa trên chủ nghĩa hay lý thuyết văn học sẵn có nào, mà bằng tìm tòi sáng tạo và ánh sáng ý thức của chính mình để đề ra những giải pháp ý nghĩa cho đời sống.

(7)A. Camus, « **Le Mythe de Sisyphe** : *L'absurde et le suicide*, pp.17-25 – Collect. Folio, Edit. Gallimard 1942. Những phần chữ in nghiêng đều là lập luận của Camus nói lên quan điểm của ông về vấn đề « *tự tử và phi lý* ». Những trích đoạn này (có kèm theo nguyên tác), chúng tôi chỉ làm công tác chuyên ngữ, nghĩa là có chỗ dịch lại, có chỗ tìm cách diễn ý hoặc làm sáng ý, miễn sao phản được trung thực tư tưởng của Camus. Với những ý tưởng thâm trầm sâu sắc được diễn tả qua một bút pháp cô đọng đôi khi còn rất trừu tượng của Camus, chúng tôi cho rằng tìm cách dịch rùng câu từng chữ theo nguyên tác theo nguyên tác chưa hẳn đã là phương pháp thích hợp để tạo nhịp cầu giao cảm giữa tác giả và độc giả.

- III -

« *Sentir ses liens avec une terre, son amour pour quelques hommes, savoir qu' il est toujours un lieu où le cœur trouvera son accord, voici beaucoup trop de certitudes pour une vie humaine.* » (A. Camus – Noces, p, 47 – collect. Folio, Edit. Gallimard 1959) (*Cảm thấy gắn bó với một mảnh đất, có được mối quan hệ ấm áp tình người với một vài ai đó, biết rằng có một nơi chốn ở đó con tim ta có được sự hòa nhịp đồng cảm, ngàn ấy xác tín tưởng cũng quá đủ cho một kiếp người.*)

Nguyễn Bảo Hưng

« *Ta phải tưởng tượng Sisyphe được hạnh phúc* », lời kết cho cuốn tiểu luận lại dội lên trong óc tôi. Nhưng giờ đây nó lại mang một âm thanh mới chuyên tải một nội dung mới, bởi vì tôi đã biết kết hợp nó với con người thực Sisyphe tôi vừa phát hiện qua cuốn tiểu luận của Camus. Đó là hình ảnh Sisyphe lúc từ đỉnh núi đi xuống về phía hang động nơi tảng đá vẫn chực sẵn. ; « *Chính vào lúc hấn đi xuống, vào cái khoảnh khắc hấn được quyền xả hơi này, Sisyphe mới làm tôi chú ý... Tôi thấy con người ấy đi xuống với những bước chân nặng nề nhưng đều đặn hướng về nỗi nhọc nhằn mà hấn biết là vô tận. Cái giờ phút vẫn tái diễn như một nhịp thở và cũng chắc chắn như sự bất hạnh của hấn, chính là giờ phút của ý thức. Vào lúc hấn rời đỉnh núi, cứ mỗi khoảnh khắc đưa hấn tới gần hang động của các thần linh, hấn thấy mình cao cả hơn cả định mệnh. Hấn mạnh hơn cả tảng đá được dành cho hấn... Tất cả niềm vui **thâm lặng** (in đậm do tôi) của Sisyphe là ở đó. Định mệnh là do nơi hấn quyết định. Tảng đá kia cũng trở thành vật sở hữu của hấn. (C' est pendant ce retour, cette pause que Sisyphe m' intéresse... Je vois cet homme redescendre d' un pas lourd mais égal vers le tourment dont il ne connaît pas la fin. Cette heure qui est comme comme une respiration et qui revient aussi sûrement que son malheur cette heure est celle de la*

conscience. A chacun de ces instants, où il quitte le sommet et s'enfonce peu à peu vers les tanières des dieux, il est supérieur à son destin. Il est plus fort que son rocher (sdd. tr.165)...Toute la joie silencieuse de Sisyphe est là. Son destin lui appartient. Son rocher est sa chose, (Sdd.tr. 167)

« *Tất cả niềm vui **thầm lặng** của Sisyphe là thế đó* », câu viết ngắn gọn chỉ vồn vẹn đơn giản thế thôi. Có lẽ vì vậy mãi tới giờ này tôi mới nhìn ra trọng lượng của hai chữ *thầm lặng* ấy. Tôi cứ nghĩ chúng chỉ giữ vai trò bổ túc của một tĩnh từ nhằm giúp câu văn thêm tròn trịa. Ai ngờ hai chữ *thầm lặng* đó lại là chìa khóa giải mã cho bức thông điệp Camus muốn gửi đến chúng ta. Nó là sức sống bền bỉ nuôi dưỡng cho Sisyphe một tinh thần đấu tranh bất khuất. Nó cũng là tụ điểm cho ý chí quật khởi, cho nghị lực kiên cường, là nguồn tích lũy phần khởi giúp cho Sisyphe, mệt nhọc, vẫn giữ được nhịp bước chững chạc tiến tiến về phía tảng đá. Bởi vì nhưng bước đi đều đặn ấy chính là kết quả của hoạt động ý thức, của suy tư sáng suốt vào những giây phút hắt được quyền xả hơi. Những bước chân đó chính là biểu tượng cho chiến thắng vẻ vang nhất mà Sisyphe có quyền tự hào : chiến thắng được chính bản thân. Và đó mới là nguồn vui đích thực của Sisyphe, một nguồn vui thuộc về riêng hấn và chỉ có mình hấn mới biết cảm nhận. Không, niềm vui hạnh phúc của Sisyphe không hề phù phiếm như tôi tưởng, Không! Chủ đích của Sisyphe khi cố vùn cho được tảng đá lên tới đỉnh núi không cốt để, sau đó được quyền khuynh tay ưỡn ngực kên kên xì po với các thần linh hoặc nheo mắt hàm ngó thế gian ra đều ta đây là một quân tử Tàu thuộc loại cà cuống chết đến đít hầy còn cay. Nếu Sisyphe đã có ý đi tìm hào quang ảo ảnh của chiến thắng cao ngạo ấy thì chẳng mấy chốc hấn phải nhận ra tính hư ảo của cái hạnh phúc phù phiếm đó, khi hấn nhìn thấy tảng đá lại ào ào lăn xuống chân núi, Không, niềm vui hạnh phúc chỉ đến với Sisyphe khi hấn bắt đầu phải lê những bước chân nặng nhọc để đi xuống núi.

Lúc bấy giờ trời đã xế chiều. Nắng hoàng hôn tô lên vạn vật một ánh vàng mềm mại óng ả. Chỉ có khoảng trước mặt là đen thẫm vì bóng Sisyphe đổ dài như muốn đè nặng lên cả một vùng thung lũng. Nhìn

vững tối bao la trước mặt, Sisyphé bỗng cảm thấy dâng lên một nỗi chán chường vô hạn. Trong một khoảnh khắc, hắn bỗng ao ước cái vững tối đó biến thành mồm đen ngòm của một quái vật khổng lồ để giúp hắn được đi vào hư vô. Vào lúc nỗi chán chường mệt mỏi xâm chiếm khiến Sisyphé muốn để hai đầu gối khụy xuống cho toàn thân được bỏ nhào xuống vực thẳm, một làn gió mát thoảng mùi thơm cỏ dại chợt thổi qua mòn trón da thịt, đánh thức mọi giác quan nơi hắn. Sisyphé bừng tỉnh. Hắn đứng thẳng lên, mở mắt nhìn. Xung quanh hắn vạn vật như sống dậy trong bầu không khí dịu mát óng ánh một màu mỡ gà. Hoa lá xôn xao, thông reo vi vút, chim muôn riu rít gọi đàn. Dưới khe, suối tuôn róc rách như cũng muốn đóng góp những nốt nhạc vui tươi vào bản giao hưởng chứa chan hạnh phúc này. Ô, cuộc sống thế gian tuyệt vời quá ! Vậy mà chỉ riêng có hắn, Sisyphé, lại bị gạt sang bên lề. Tại sao vậy ? Tại sao lại có sự bất công này ? Sisyphé nhắm mắt, cố hít một hơi dài để lấy lại sự tỉnh táo. Không khí trong lành ùa vào hai buồng phổi, len lỏi từng thớ thịt, khai thông mạch máu khiến mọi giác quan trở nên bén nhọn. Hắn đánh giá được hương thơm của từng thớ cỏ dại, từng loại hoa rừng. Tiếng thông reo vi vút hơn, tiếng suối nghe cũng réo rất hơn. Mọi ưu phiền mệt mỏi cơ hồ đều tan biến. Sisyphé lặng đi trong một khoái cảm hoan lạc như toàn thân vừa được ngấm một chất men say. Hắn mở mắt. Vạn vật hiện ra tưng bừng rộn rã hơn dưới ánh hoàng hôn rực rỡ. A, hạnh phúc thế gian là thế đấy ! Nhớ lại ý định toan tự hủy vừa qua, Sisyphé rùng mình. Tại sao hắn lại có ý nghĩ dại dột như vậy. Ai đâu có quyền cấm hắn được hưởng cuộc sống hạnh phúc thế gian. Các thần linh chẳng ? Sisyphé ném vội cái nhìn xuống vững tối trước mặt. Khối đá ngàn cân lại hiện lên ngạo nghễ như một thách đố buộc hắn phải trở về với thân phận mình.

Sisyphé sửa thế đi cho được khoan thai nhịp nhàng. Hắn cần lấy lại bình tĩnh để suy nghĩ sáng suốt. Hắn sinh ra để hưởng lộc trần thế. Hắn chẳng vừa được nếm mùi hạnh phúc thế gian đó sao. Vậy mà các thần linh lại dùng quyền lực độc đoán cột chặt hắn vào tảng đá định mệnh kia. Thay vì cuộc sống an lạc, họ lại dày đọa hắn trong lao tác đẩy đá vô nghĩa mỗi ngày. Sisyphé nghiêng răng nắm chặt hai bàn tay

như muốn nghiền tan tảng đá nguyên rủa. Nhưng rút cục hấn đành buông tay đăm, thở dài. Sức mấy hấn đương đầu lại nổi các thần linh. Hấn đâu có thể tự mình giải thoát khỏi sợi xích oan nghiệt đó. Càng nghĩ, Sisyphe càng thấy thấm thía cho tình cảnh phi lý bi đát của mình. Vào lúc hấn sắp để rơi vào tuyệt vọng, ngàn thông bỗng reo lên vi vút như muốn nhắc nhở tới những khoái cảm hoan lạc vừa qua. Ý thức và bản năng sinh tồn lại trỗi dậy nơi hấn. Sisyphe vừa đi vừa suy ngẫm. Cuộc đời dẫu sao vẫn là vô giá và đời người chỉ có một. Sao hấn lại dại dột để cho tảng đá tầm thường kia định đoạt thay hấn ý nghĩa của sự sống còn. Các thần linh có thể đày đọa hấn trong số kiếp một tên khổ sai nô lệ. Nhưng họ không thể cướp đi của hấn quyền hưởng hạnh phúc của một con người. Chừng nào hấn còn là một khối óc, còn là một con tim ; chừng nào hấn vẫn còn biết suy nghĩ, biết cảm xúc, biết giận, biết buồn biết vui, biết thương, biết nhớ, biết mơ ước, biết hi vọng..., chừng đó hấn vẫn là hấn, là Sisyphe, là con người, nghĩa là vẫn có thể hòa nhập với cuộc sống thế gian. Vậy là Sisyphe đã quyết định. Không, nhất định không. Hấn sẽ không để cho mình sa vào cái bẫy của các thần linh. Hấn chẳng dại gì khước từ hạnh phúc thế gian bằng một hành động tự hủy. Hấn cũng không dại dột chịu giam mình trong thân phận một tên nô lệ khổ sai, chỉ biết rên xiết với nguyên rủa để suốt đời phải chịu thiệt thòi. Số phận nô lệ có thể do thần linh toan tính sắp đặt, nhưng định mệnh con người lại tùy thuộc nơi hấn. Nếu hấn quyết định chọn làm người, không ai có thể tước đoạt quyền sống của một con người nơi hấn được.

Niềm tin lấy lại, Sisyphe thấy bừng lên một sức sống hấn không có ngờ. Hấn cũng phát hiện thêm rằng hấn không hề là con người mất tự do : cuộc đời hấn không có bị lệ thuộc vào tảng đá oan nghiệt ấy. Các thần linh có thể kìm kẹp thân xác hấn bằng mọi thứ nhục hình. Nhưng hấn đâu chỉ có tồn tại bằng thân xác : hấn vẫn có thể vươn lên hiện hữu bằng ý thức tự do. Sisyphe nhớ lại những cảm xúc hoan lạc khi nãy. Chưa bao giờ ngàn thông lại reo vui vi vút, suối nhạc róc rách lại tung bừng rộn rã như vậy. Lại còn hương vị cây cỏ mới nồng nàn, gió mát mơn trớn mới êm dịu làm sao. Nếu không có cái rã rời mệt

mỗi của thể xác, nếu không có sự bừng tỉnh của cảm quan vào lúc tâm thần hấn tưởng như đã tê cứng vì tuyệt vọng, liệu hấn có cơ hội để được thưởng thức những cảm xúc tuyệt vời ấy ? Sisyphe mỉm cười. Lẽ ra hấn phải cảm ơn tảng đá hấn vẫn thường nguyên rửa đó mới phải. Không có nó, có lẽ chẳng bao giờ hấn có thể nhìn *ra* được hết vẻ đẹp của thế gian này. Không có nó, có lẽ hấn chẳng hề biết *đến* những cảm xúc nhiệt tình ấy làm hấn càng thêm gắn bó với cuộc sống thế gian. Nếu không có nhục hình đẩy đá tạo điều kiện cho lương tri được thức tỉnh, rất có thể hấn mới *tồn tại*, chỉ biết có sinh hoạt như một tạo vật giữa muôn ngàn tạo vật khác. Giờ đây nhờ vào những mệt nhọc của thể xác, nhờ vào những phân đấu chống lại tuyệt vọng, con người thực sự mới được thức tỉnh nơi hấn : Hấn đã biết vươn lên ý thức *hiện hữu*. Giờ đây hấn không chỉ có *ngó* mà đã biết *nhìn*. Giờ đây không chỉ có *thở hít* mà còn biết *đánh giá* các mùi hương. Giờ đây hấn không chỉ có *nghe* mà còn biết *thưởng thức* các điệu nhạc. Ha ! Ha ! Bằng nhục hình đẩy đá, các thần linh toan đày đọa hấn trong kiếp sống của thân trâu ngựa. Họ đâu ngờ rằng thủ đoạn đó lại tạo điều kiện cho hấn thoát ra khỏi hàng tạo vật (créature) để vươn lên địa vị một kẻ tạo sinh (créateur).

Sisyphe dừng lại lắng nghe tiếng thông reo nước chảy, thưởng thức cảnh vật tuyệt mỹ xung quanh bằng cái nhìn hân hoan sáng tạo của con người nghệ sĩ. Chưa bao giờ hấn lại cảm thấy hài lòng như lúc này. Hấn tự hỏi không biết có nên cảm ơn các thần linh đã dành cho hấn cái nhục hình khổ sai ưu ái ấy ? Hang động dưới kia không còn là cõi ngục tù tăm tối giam cầm hấn nữa : nó sẽ là chốn nghỉ ngơi để hấn phục hồi sức sống. Và tảng đá kia hết còn là gông cùm giam cầm hấn trong bóng tối : nó đã trở thành bàn đạp giúp hấn vươn cao hơn tới ánh sáng cuộc đời. Sisyphe mỉm cười mãn nguyện, tiếp tục đi với những bước chân khoan thai bình thản. Nhưng từ xa, trong cái ánh nhìn nhờ nhờ của lúc chạng vạng tối, các thần linh lại nhìn ra bóng của Sisyphe chập chờn in lên vệ đường trong một dáng đi lúi thúi mệt nhọc. Và trên các bộ mặt hắc ám đại gian ác của họ đều nhếch lên một nụ cười khoái trá nham hiểm. Họ đâu có ngờ rằng Sisyphe đang

tiến về phía hang đá trong một niềm vui *thâm lặng*. Như khi ta tìm lại tổ ấm sau một ngày lao động mệt nhọc. Hang động kia sẽ là vùng bóng tối bao trùm yên lặng giúp cho Sisyphe tìm lại được sự nghỉ ngơi cần thiết. Và phiến đá kia đã trở thành vật thân thiết rất cần cho Sisyphe để đi vào giấc ngủ như con « nu nuộc » rất cần cho một đứa trẻ thơ. Và cũng như đứa trẻ thơ với con « nu nuộc », Sisyphe sẽ giang tay áp má, trút bỏ hết nhọc nhằn lên tảng đá để vô tư đi vào giấc ngủ và sẵn sàng thức giấc đón chào một ngày mai. Ngày mai... Ngày mai...

*« Tôi bỏ lại Sisyphe dưới chân núi ! Có ai trút bỏ được món nợ trần đời. Nhưng Sisyphe dạy cho ta bài học trung kiên cao cả là phải phủ nhận các thần linh và gánh vác trách nhiệm cuộc đời. Hẳn cũng vậy, cho là mọi sự đều tốt đẹp. Thế là cái vũ trụ từ nay vô chủ, hẳn thấy nó chẳng phù phiếm mà cũng không cần cỗi. Mỗi hạt cát của phiến đá này, mỗi tia thần khí ánh lên từ ngọn núi dày đặc bóng tối này cũng đủ làm nên một thế giới. Cũng vậy, cuộc vật lộn để vùn cho được tảng đá lên đỉnh núi cũng đủ lấp đầy trái tim một đời người. **Ta phải tưởng tượng Sisyphe được hạnh phúc.** »* (Je laisse Sisyphe au bas de la montagne ! On retrouve toujours son fardeau. Mais Sisyphe enseigne la fidélité supérieure qui nie les dieux et soulève les rochers. Lui aussi juge que tout est bien. Cet univers désormais sans maître ne lui paraît ni stérile ni futile. Chacun des grains de cette pierre, chaque éclat minéral de cette montagne pleine de nuit, à lui seul forme un monde. La lutte elle-même vers les sommets suffit à remplir un cœur d'homme. **Il faut imaginer Sisyphe heureux.** Sdd, tr. 168).

Bài học của Camus là vậy đó. Cũng đơn giản thôi. Bài học nhắc nhở ta rằng phi lý là cốt lõi thân phận con người và không hề có một thế giới trật tự an bài. Thế nhưng nếu không có ánh sáng nào thỏa mãn được ta khát vọng chính đáng về hợp tình hợp lý, ta không vì thế khước từ sứ mạng làm người. Tự hủy hay đổ lỗi cho số phận do thần linh định đoạt đều là thái độ đầu hàng hèn nhát. Trái lại, ta phải dám nhìn sự thật, biến nhận thức sáng suốt đó thành sức mạnh nổi loạn để biểu lộ tinh thần bất khuất và khẳng định quyết tâm hiện hữu bằng ý

thức tự do. Chính sự chấp nhận đương đầu với định mệnh khắt khe đã giải phóng cho Sisyphe khỏi thân phận phi lý và giúp hắn tìm ra được ý nghĩa cho mỗi hành động trong cuộc sống hàng ngày. Đó cũng là lý do khiến *ta phải tưởng tượng Sisyphe được hạnh phúc*.

« *Ta phải tưởng tượng Sisyphe được hạnh phúc... Ta phải tưởng tượng Sisyphe được hạnh phúc...* ». Tôi còn thêm thiếp với những lời kết này chấp chờn trong tiềm thức thì đã vọng lên giục dã hồi keng báo thức. Tôi nhồm dậy, như cái máy lập lại máy cữ chỉ thuộc lòng của một cải tạo viên : gấp mùng mền xếp ngay ngắn trên chỗ gối đầu, lật chiếu phủ lên, lôi lon gô đặt ở chân sạp để chờ được chia phần nước uống tiêu chuẩn. Xong xuôi, tôi phóng ra sân làm công tác thể dục qui định trước khi lo phần vệ sinh cá nhân. Nhưng hôm nay tôi không chỉ có khua chân múa tay làm điệu bộ cho có lệ. Trái lại tôi chăm chú làm đúng từng động tác một và tập thở hít cho thật điều hòa. Bây giờ tôi đã sẵn sàng chờ tập hợp điểm danh để lãnh cuộc sêng đi công tác. Nhưng khác với mọi bữa, hôm nay tôi không cảm thấy phải kéo lê những bước chân nặng trĩu và cũng không phải mang tâm trạng mệt mỏi chán chường. Trên bãi tập hợp giờ đây mọi người đã tề tựu hầu như đông đủ. Vẫn những con người đó trong những bộ quần áo đó : những thân hình xanh xao ốm yếu vì lam lũ và thiếu dinh dưỡng trong những bộ trây y tả tơi, vá chằng vá đụp. Nhưng hôm nay tôi mới để ý và thấy họ có vẻ như đang sống cuộc sống bình thường. Tự bao giờ ? Họ, ra trình diện cùng một ngày, cũng phải di chuyển hết trại này qua trại khác. Như tôi. Họ, thuộc đủ thành phần xã hội, động viên hay tình nguyện, nay chỉ là những con chốt thí trong cuộc tranh chấp ý thức hệ giữa hai khối quyền lực quốc tế. Cũng như tôi. Vậy mà nay cuộc, sêng trên vai, họ bình thản trao đổi với nhau những mẩu chuyện vui nho nhỏ : về thành tích chôm chĩa, về mảnh mung qua mặt được mấy anh bộ đội, về một vài bi thuốc lão mới quan hệ được. Họ cũng không quên bàn chuyện nắng mưa, vui vẻ chỉ dẫn cho nhau cách thức lên luống, reo bắp, trông rau để đạt năng suất cao như những nông dân thực thụ. Cũng như tôi, họ đã phải trải qua biết bao giờ phút chán nản tuyệt vọng. Và họ đã tự rèn luyện để biết quên đi

thân phận của một cải tạo viên mà hòa giải với cảnh sống hiện tại của mình. Tự bao giờ ?...

Còn đang đắm chiêu tự hỏi, tôi bỗng nghe tiếng vỗ vai kèm theo một giọng nói thân quen : « Làm gì mà tư lự hoài vậy huynh ? Thôi mà bỏ qua đi Tám. Đòi sao ta vậy, sức mấy mà buồn. Tối nay huynh qua em. Em mới quan hệ được ít thuốc sịn thứ thiệt. Anh em mình sẽ phê một trận đã đòi hết biết luôn. » Tôi nhận ra ngay tiếng nói của Sơn, đội viên trẻ nhất lảng và cũng là người bạn tâm đầu duy nhất. Hồi mới nhập trại Sơn là người tôi đề ý và ghét nhất. Bởi lời lẽ các lác, điệu bộ *lên khên* (8) bất cần đời, có khi còn như thách đố Ban chỉ huy trại của Sơn. Nhất là sau buổi lên lớp đầu tiên được nghe lời nhắc nhở ân cần của ban quản giáo : « *Về hay ở, sớm muộn là tùy thuộc các anh. Chính sách khoan hồng nhân đạo của Cách mạng vẫn trước sau như một. Cách mạng có muốn giữ các anh ở lâu làm gì. Đất nước rất cần tới bàn tay xây dựng của các anh. Sở dĩ các anh còn phải ở lại đây vì Cách mạng muốn giáo dục các anh trở thành những công dân chân chính. Vậy các anh em phải học tập cho tốt và thẳng thắn xây dựng lẫn nhau để giúp đỡ nhau cùng tiến bộ trong tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Chừng nào Cách mạng đánh giá anh em đồng tiến bộ thì sẽ giải quyết cho toàn bộ anh em được về... »*

Trước những lời động viên hứa hẹn như vậy đa số anh em trong trại, đặc biệt là những thành phần lớn tuổi có gia đình như tôi, đều tỏ một tinh thần học tập tích cực. Chỉ riêng có Sơn là vẫn tinh bơ, lại còn ngầm ngầm biểu lộ thái độ phản kháng bằng một tác phong lè mề mỗi khi phải thi hành công tác, hoặc bằng những lời châm chọc mỗi khi phải phát biểu trong buổi học tập. Khó chịu về thái độ của Sơn và e ngại nó có thể phương hại tới kết quả học tập chung gây trở ngại cho ngày về, một hôm tôi cố ý gặp riêng Sơn và tìm lời lẽ xây dựng Sơn. Nghe tôi nói xong, Sơn tròn tròn ngó tôi một hồi như thể tôi mới từ cung trăng rớt xuống. Sau đó Sơn dần dọng tuôn ra một tràng ngôn ngữ thuộc loại tàng tàng cù lủ nghe bắt xóc óc : « *Ông anh yêu quý của tôi ơi ! Ông lỡ sinh ra có mắc bệnh tối dạ thì cũng nên tối dạ một vừa hai phải thôi. Ông mà tin lời tụi nó thì chỉ có nước đem bán thóc giống đi mà ăn. Ông anh đã có*

lòng tốt muốn dạy bảo đàn em thì đàn em cũng xin phép được thừa gửi ông anh đôi điều. Trước hết ông anh hãy viết thư về khuyên chị nên xuống thuyền xa bến đi, đừng bảo chị mòn mỏi ngóng chờ ông anh làm gì, tội nghiệp. Về phần ông anh, xin ông anh hãy ráng gìn giữ hàm răng và luyện quai hàm cho rắn chắc. Cái ngữ ông anh và tôi cứ gọi là còn ở đây nhá bấp và bo bo đến mút mùa lệ thủy.» Nói xong, Sơn quay phắt bỏ đi. Còn tôi, chới với trước phản ứng bất ngờ dữ dội ấy, tôi phát ngọng luôn.

Thời gian trôi qua, không thấy ban chỉ huy trại nhắc nhở gì tới ngày về nữa. Thỉnh thoảng lại thấy một vài người chẳng có thành tích xuất sắc nào, bỗng được kêu lên gặp ban chỉ huy trại rồi biến mất. Theo lời xầm xì của anh em, họ đều thuộc thành phần con cháu thân nhân cách mạng nên được bảo lãnh cho về. Lúc đó tôi mới nhìn ra cái bệnh tôi dạ của mình và thấm thía những điều Sơn nói. Một hôm, Sơn bị cảm nặng. Sẵn còn ít thuốc để dành, tôi chia cho Sơn vài viên. Sơn định từ chối nhưng thấy tôi thực tình, cuối cùng nhận vậy. Chúng tôi thân thiện trở lại, hiểu nhau hơn và thêm gắn bó. Một bữa, nhắc lại chuyện cũ, Sơn thủ thỉ với tôi : « Bữa đó chắc huynh giận em lắm nhỉ. (Sơn thích gọi tôi bằng huynh hơn là đại ca vì cho rằng từ « huynh » thể hiện được tình bằng hữu hơn mà vẫn phân định được ngôi thứ như trong câu nói « huynh đệ chi binh » hay cách gọi « huynh trưởng » trong hướng đạo). Thực ra ngay từ bữa nhập trại em đã để ý tới huynh. Em biết huynh con người học thức và cũng có thơ ngoài đời. Nhưng huynh không như một số người khác. Mẹ kiếp. Đã phải rúc vào đây, chỉ còn trên răng dưới « dzé » mà vẫn thích huênh hoang. Nào là trước đây tao đã bắt tay ông này, tao đã ngồi họp với ông kia. Rồi còn kể tùm lum đủ thứ chuyện, ra điều ta đây con người sành sỏi lịch lãm quen biết nhiều. Thực chất toàn là những chuyện thuộc loại *ruồi bu* (9) thôi, chứ có ra gì đâu. Bây giờ mới rõ cháy nhà ra mặt chuột, nhân cách lộ lộ ra hết. Thấy cán bộ là xun xoe khúm núm ; tới giờ chia cơm dành nhau từng tí cháy, rồi còn cãi vã om sòm về cái mán chia cơm *cánh cup cánh xòe* (10) không đều. Riêng huynh, em không hề thấy huynh nhi nhô. Em thấy huynh lúc nào cũng từ tốn, hòa nhã với mọi người, vì vậy em mới có cảm tình. Em tin huynh không như

bọn họ. Thế mà bữa đó huynh lại lên lớp em bài bản y chang lời tụi nó như con vẹt, em thất vọng quá. Huynh làm em nực. Em đâm quạu. Em mới phạng huynh. Sau đó em ân hận. Nhiều lúc em thấy huynh cứ thù người ra, em biết huynh đang trong cơn khủng hoảng. Em định mon men đến trò chuyện giúp huynh lên tinh thần. Nhưng bộ mặt huynh lúc đó ngó âm u quá, em đâm *lạnh căng*. Huynh làm em *rét* (11), em không dám lại gần. Cũng may bữa đó huynh cho em thuốc, thế là anh em mình lại được chơi với nhau. » Sơn cho biết những ngày đầu Sơn cũng chán nản tuyệt vọng lắm. Mấy lần Sơn tính trốn trại nhưng biết sẽ không thành vì hệ thống kiểm soát chặt chẽ. Sơn cũng có ý nghĩ tự tử, nhưng lại gạt bỏ ngay vì cho như thế là hèn nhất. Cuối cùng Sơn quay lại với cái triết lý sống của mình : đời sao ta vậy. Sơn coi mình như tay bạc gặp phải vận đen, nhưng không chịu bỏ cuộc. Sơn quyết định biến sự bất hạnh thành trò đùa, lấy nó làm vốn để kéo dài cuộc chơi. Hi hi, huynh có nhớ cái bữa lên lớp. Cán bộ, sau khi thảo thảo bất tuyệt về xã hội chủ nghĩa ưu việt, động viên anh em mình tích cực phát biểu. Em liền đứng dậy giơ tay : Báo cáo cán bộ tôi buồn đi cầu. Tối về nhớ lại bộ mặt cả thộn đỏ gay của y em cười phát đau cả bụng, thế là quên được một bữa đói.

Sơn như vậy đó. Hai mươi tuổi đời chưa tròn tuổi lính. Cày xong bằng tú tài một, vừa làm quen được một người đẹp thì xảy ra chuyện đứt phim. Người đẹp theo gia đình di tản, Sơn đành ở lại tiếp tục số kiếp con rệp trong thân phận một cải tạo viên. Số phận long đong, cuộc đời bạc đãi, nhưng Sơn không lấy làm bất mãn và cũng chẳng một lời than vãn. Với sức sống thanh niên và nhiệt tình của tuổi trẻ, Sơn đã rèn luyện cho mình cách nhìn đời bằng cặp mắt của kẻ muốn thấy chai rượu hãy còn đầy chứ không phải đã vơi mất một nửa. Nhờ vậy Sơn đã sớm tìm ra thỏa hiệp với chính mình và biết cách thích nghi với điều kiện sống khắc khe hiện tại : kiểm lời chọc quê cán bộ để giết thì giờ trong các buổi học tập ; trở tài chôm chĩa như trò chơi cút bắt với vệ binh, đồng thời cũng là một phương tiện bồi dưỡng cải thiện.. Có thực mới vực được đạo. Chưa bao giờ Sơn lại đặc ý với câu châm ngôn này. Mỗi lần đi lao động, gặp dịp là Sơn bẻ ngay một vài trái bắp, hái vội một nắm rau xanh tìm cách

đem lọt vào trại để tới về ca công. Mặc dù thường bị lôi ra kiểm điểm, thậm chí có lần còn bị nhốt Sơn vẫn không chừa. Sơn không chịu nhận là ăn cắp của cải nhân dân, phá hoại tài sản nhà nước như lời cán bộ lên án. Trái lại, Sơn coi đó chỉ là một sự thu hoạch, một hành động tự vệ chính đáng của kẻ yếu thế và cũng là một biểu lộ phản kháng : « Dù mẹ, em chỉ thực hiện quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa theo đúng khẩu hiệu làm theo công sức hưởng theo nhu cầu. Em phải đổ ra biết bao mồ hôi, đóng góp biết bao sức lao động cho tập thể, mà có được hưởng đúng theo nhu cầu của em đâu. Như vậy sao lại bảo là ăn cắp. »

Mấy lần Sơn định rủ tội cùng thâm hoạch, nhưng thấy tội có vẻ không mấy hưởng ứng, Sơn liền bỏ qua. Tuy nhiên khi chôm chĩa được bất cứ thứ gì, Sơn không quên kêu tội sang cùng chia xẻ. Có bữa vui miệng Sơn còn lên lớp tội : « Phi chôm chĩa bất thành cải tạo. Chừng nào huynh chưa biết chôm chĩa chưa thể được cấp bằng cải tạo cho về. ». Tuy thích trở tài chôm chĩa, nhưng Sơn rất tự trọng. Không bao giờ tranh giành cãi cọ mà cũng không hề đụng tới đồ vật nhỏ nhặt của bất cứ ai. Bữa nào chôm chĩa được thì tạm no, bằng không chịu đói vậy. Bao giờ Sơn cũng vui vẻ nhận phần cơm được chia của mình, không một lời kêu ca phàn nàn. Điều Sơn tối kỵ : đó là tranh giành cãi cọ vì miếng ăn. Sơn cho đó là một cách tự sỉ nhục trước mặt cán bộ : « Mẹ kiếp ! Mình thua, nó hành mình mình chịu. Mình có hàng đâu mà để tội nó khinh mình được. »

Càng hiểu Sơn tội càng thêm mến Sơn. Đằng sau những cử chỉ thô bạo, những lời lẽ sỗ sàng tội lại thấy ánh lên một vẻ đẹp : cái đẹp của chất thô nơi con người còn giữ được phẩm chất nhân chi sơ tính bản thiện. Sơn lên khên, Sơn hay quạu, Sơn dễ nực, Sơn ưa chửi thề ; nhưng Sơn không hề kiếm chuyện gây gổ với ai, ngoại trừ một vài phần tử được xếp vào loại ăng ten. Thực ra, bằng những lời châm chọc khích bác, Sơn chỉ muốn chọc quê thái độ nhẫn nhục cầu an của đám người tìm cách « nín thở qua sông » hoặc những kẻ khờ khạo còn tin tưởng vào chính sách học tập cải tạo như tội. Tuy không ăn học nhiều, nhưng Sơn lại dồi dào kinh nghiệm sống và hiểu biết thực tiễn để dễ dàng ứng phó với những trạng huống bất thường ở đời. Chỉ cần vài tháng ở đơn vị thám báo cũng đủ trang bị cho Sơn cái nhạy cảm của một con thú hoang biết hử từ xa những cạm

bấy vô hình. Và chính những kinh nghiệm và hiểu biết mưu sinh ấy mới thực sự hữu ích cho giai đoạn gian khổ hiện tại.

Một điều nghịch lý là tuy không hề tin tưởng vào chính sách cải tạo, nhưng Sơn lại tỏ ra làm việc hết mình trong những buổi lao động. Chính ban quản giáo cũng nhận ra điều đó. Và, mặc dầu thường xuyên lên lớp Sơn về tội chôm chĩa, đã có lần họ phải đề nghị Sơn được bình bầu làm anh hùng lao động xuất sắc. Bữa đó lần đầu tiên tôi thấy Sơn lúng túng ngượng ngập, cười gượng với anh em. Tôi về Sơn tâm sự với tôi : « Tội nó làm em quê quá. Em làm là làm cho em chứ em đâu có lao động tích cực để trông mong chúng nó sớm thả em về. » Sơn cho biết tình cờ đã tìm thấy trong sự làm việc hết mình một động lực giúp Sơn lên tinh thần và đem lại ý nghĩa cho công tác hàng ngày. Lúc đầu em ráng sức cật để trút hết nỗi bức dọc lên nhát cuộc. Khi thấy mảnh đất mới vỡ thâm đất mồ hôi ánh lên một chất nâu màu mỡ, không hiểu sao em bỗng đâm ra ham cuộc, cuộc hùng hục, cuộc quên đói, cuộc quên mệt, cuộc quên hết ưu phiền. Rồi tới khi được nhìn những đọt lang xanh phủ đều mặt đất mình vừa lên luống, em thích thú. Em nghĩ mình không phải làm công việc vô bổ. Em đâu có phải lao động khổ sai. Em làm việc để nuôi em. Vậy em có quyền chôm chĩa. Hi hi, em sống lương thiện. em không bóc lột ai, nhưng cũng không chịu để ai bóc lột mình. Em phải ăn cho đủ ca lo mới có sức làm việc chứ. Càng nhìn những luống lang ngay hàng thẳng lối em lại nhớ tới hồi mới đến mảnh đất hoang vu, dày đặc sỏi đá như một vùng đất chết. Vậy mà mầm sống đã chồi lên từ đó. Em nghĩ bàn tay ta còn đem lại được sự sống cho mảnh đất khô cằn này, ta đâu đến nỗi là đồ bỏ. Tại sao ta lại không biết làm sống dậy sức sống nơi ta. Thế là em bắt đầu đem hết tâm trí vào công việc mình làm. Em không làm vì Bác, vì Đảng. Em không làm để trở thành anh hùng lao động. Em làm cho em. Em làm để trút bỏ được gánh nặng mặc cảm của một tên tù khổ sai. Em làm để khỏi phải sống trong khắc khoải trông chờ một ngày mai không biết bao giờ tới. Em làm để không phải thấy một ngày trôi qua là một ngày sống phí phạm. Cũng nhờ vậy mà em thâm hoạch được một số hiểu biết ích lợi ra trò. Một bữa em đang lúi húi ngắt ít đọt lang thì thấy bóng vệ binh xuất hiện. Em đứng phất dậy : Báo cáo cán bộ mấy

luống này nhiều giầy lại sai lá quá, tôi phải ngắt bớt, củ mới lớn được. Em nói vậy là đúng quá đi chớ. Em nhớ có lần lên lớp cán bộ đã phát biểu : Lời nói mà nghe lọt tai đến củ khoai cũng phải ừ. Thế là tên vệ binh chỉ hãm he âm ự rồi cũng bỏ qua. Như vậy là em làm đúng lời cán bộ. Em thuộc bài. Em học tập tiên bộ. Em đâu có mánh. Hí ! Hí !

Tôi im lặng theo dõi từng điệu bộ Sơn khoái trá kể chuyện và thắm nghe dấy lên một sự mến phục. Sơn vẫn gọi tôi bằng huynh và luôn luôn xưng em với tôi. Thái độ nể trọng ấy một phần do Sơn ít tuổi hơn tôi, nhưng phần lớn do Sơn cho là tôi học thức uyên bác. Phải chi hồi đó tôi không bị động viên. Phải chi hồi đó tôi cố nhịn ăn, bớt thêm được hai lạng thịt. Khi đó tôi chỉ nặng có ba bốn kí chín, tôi sẽ không bị kêu lính. Tôi tha hồ tiếp tục cuộc sống phây phây ngoài đời. Khi đó nếu có gặp Sơn, chắc tôi sẽ khinh khỉnh ngó Sơn bằng nửa con mắt và hờ hững chìa tay ra chờ Sơn vội vàng nắm lấy. Mảnh bằng đại học mới nắm trong tay, tôi tự phong cho mình bậc **đại-trí giả**. Tôi nay kinh sử thuộc lòng. Tôi giờ quán thông kim cổ. Aristote, Platon, Khổng Tử..., Sartre, Camus, Lỗ Tấn tôi thuộc tên vanh vách. Chính trị, lịch sử, triết học, văn chương, nghệ thuật...chẳng có lãnh vực nào tôi lại không dám chỏ mồm vào. Chỗ nào hội hè đình đám là có mặt tôi. Tôi ba hoa chích chòe. Tôi hót như khướu. Nhờ tài thao thao bất tuyệt, chẳng mấy chốc tôi lọt mắt xanh con gái một phú thương đang bốc như điều nhờ khéo đầu cơ tích trữ lại biết mánh mung trúng thầu Mỹ. Thế là tôi, chuột sa chĩnh gạo. Thế là tôi, một Xuân tóc đỏ. Ông bà nhạc thương tôi, biết tôi có tài ăn nói nên chạy chọt cho tôi một ghế dân biểu. Khởi phải nói, cò đến tay ai người ấy phát. Đã sẵn chính trường lại có thêm cơ quan truyền thông, tôi tha hồ trổ tài đầu láo. Tôi hô hào ra luật tổng động viên. Tôi viết bài cổ vũ thanh niên con cái nhà người phải hăng say tòng quân cứu nước. Giặc đến nhà đàn bà cũng phải đánh. Là đáng mày râu nam tử mà cứ quanh quẩn vũ trường, tôi ngày rúc nách mấy em ca sĩ, vũ nữ coi sao được. Làm trai cho đáng nên trai. Xuống Đông Đông tỉnh, lên Đoài Đoài tan. Miệng tôi có gang có thép : tôi hùng hổ, tôi dũng mãnh. Tiếng tăm tôi lừng lẫy. Tôi biết cứ đà này tôi có triển vọng trở thành nhân vật lịch sử. Tôi sẽ, tôi sẽ còn...

Nhưng hỡi ôi ! Cũng như cái mũi Cléopâtre (12), chỉ vì có hai lạng thịt tôi bị kê lính, tôi ra nổi này. Bây giờ phải vào trại tôi mới có điều kiện để suy ngẫm về giá trị thực dụng của sự hiểu biết thuần túy sách vở ấy. Nhất là vào những ngày chủ nhật, không phải đi lao động nhưng khẩu phần lại bị giảm bớt. Những bữa đó tôi chỉ biết vất tay lên trán, nằm thờ dãi bất lực trước tiếng la lối om sòm của đám ruột gan cằn cào đang rầm rộ xuống đường biểu tình đấu tranh đòi quyền sống. Tưởng tượng những lúc được tuyên bố rất nỏ tại nghị trường để nào là đấu tranh cho dân chủ dân quyền, nào là trở tài kinh bang tế thế mưu cầu ấm no cho lê dân trăm họ, chữ nghĩa của tôi khi ấy chắc là phải kêu cứ bong bong. Vậy mà nay cũng tuồng chữ nghĩa ấy, tôi thấy cứ linh cà linh kính trong đầu mà chẳng biết làm cách nào để biến chúng thành mấy cọng lang cho được ấm bụng. Những lúc ấy tôi mới biết đánh giá cao cái tài linh hoạt khéo xoay sở của Sơn và chỉ mong Sơn xuất hiện rủ tôi đi ca công. Ấy cũng may, từ bữa nhập trại không hiểu trời xui đất khiến làm sao, tôi lại biết nghe lời vợ dạy dỗ nhắc nhở nên chịu khó giữ mồm giữ miệng. Sơn cứ tưởng tôi con người học thức nhưng khiêm tốn nên mới chịu thân với tôi. Nhờ vậy mà thỉnh thoảng, với Sơn, tôi có thêm được chút rau chút cháo để dần bụng cho ấm lòng. Thì ra cái mớ kiến thức thuần túy sách vở của tôi trong những lúc ấy, ít ra, cũng còn tỏa được chút hào quang ảo ảnh để gây ấn tượng với Sơn và giúp tôi qua được cơn hoạn nạn.

Nhưng tôi mến Sơn đâu chỉ vì được Sơn thường đem đồ chôm chĩa đến chia xẻ với tôi. Càng hiểu Sơn tôi càng thêm bị cuốn hút như khi ta chợt phát hiện ra được cái đẹp hoang dã của một cảnh vật sơ khai chưa phải mang vết tích lở lói chứa đựng mầm móng hủy diệt của văn minh tiến bộ loài người. Sơn lên khên như một con thú hoang. Sơn lên khên vì Sơn ghét thói đời giả dối. Những điệu bộ kịch cỡm giả tạo làm Sơn bất nực. Bởi thế Sơn hay quạu. Bởi thế Sơn thích đù mẹ. Bởi thế Sơn ưa chửi thề. Sơn không biết thừa gửi uồn éo ra tuồng ta đây con nhà gia giáo nét na có được ăn học đàng hoàng tử tế. Nhưng Sơn không hề biết *đều*. Có lẽ vì sống trung thực nên Sơn được phú cho một bản năng sinh tồn khá mạnh và một khả năng đề kháng tự nhiên giúp Sơn vượt qua được mọi tai biến, cho dù là do thiên nhiên hay con người gây ra. Sơn như

những cọng cỏ hèn mọn ấy, vẫn lại trôi lên từ kẽ phún thạch hay từ bãi sình lầy trong khi biết bao công trình kiến trúc đồ sộ lại vĩnh viễn bị vùi lấp sau những trận đại hồng thủy. Chỉ những con người như Sơn mới chính là thành phần bảo toàn và nuôi dưỡng sự sống cho thế gian này. Cũng như tôi, Sơn chỉ là con chốt thí trong cuộc tranh chấp giữa các khối quyền lực. Và, như tôi, Sơn cũng là nạn nhân của sự phi lý ở đời. Nhưng bằng cái nhìn trong sáng bình dị, Sơn đã sớm tìm lại cho mình niềm tin gắn bó với cuộc sống thế gian. Sơn vui, Sơn buồn như chuyện nắng mưa. Sơn chấp nhận lao động hành xác vì Sơn muốn sống lương thiện. Những biến động thời cuộc, những thăng trầm cuộc sống, Sơn chịu đựng, Sơn chấp nhận coi chúng cũng như bệnh tật, đói khát, thiên tai bão lụt..., là những bất hạnh không tránh được trong cuộc sống. Bởi thế nên Sơn buồn, Sơn vui, Sơn đồ quạu, Sơn chửi thề, Sơn chôm chĩa, rồi Sơn lại cười hì hì mỗi khi đến tâm tình với tôi. Trong khi ấy tôi chỉ biết ngụp lặn trong tuyệt vọng, loay hoay mãi với mớ kiến thức sách vở mà không biết làm cách nào để tìm ra lối thoát. Trước đây, với hàng pho sách từng bỏ công nghiền ngẫm, tôi cứ tưởng tôi đã nắm được hết lẽ sống ở đời. Nhưng nếu không phải vào nằm trong trại này liệu tôi có rút ra nổi bài học về Sisyphe của Camus ? Mà có thực là tôi đã hiểu hết được ngàn ấy trang sách của Camus hay chưa ? Nhớ lại lúc lên mặt khuyen bảo Sơn phải chịu khó học tập cho có kết quả để cùng với anh em sớm được thả về ; rồi lại thêm cái bữa dặn vợ phải kiếm con gà nuôi cho béo để chờ ngày học tập thành tài đem ra cúng tổ, tôi mới thấy rằng mãi tới giờ này tôi vẫn ngây thơ, rất ngây thơ, có khi còn ngây thơ hơn cả cô gái con nhà lành một trăm phần trăm đang theo học trường ma sơ nữa cơ.

Mặt trời gần đứng bóng, áo đã ướt đẫm mồ hôi, nhưng mãi mê suy nghĩ, tôi vẫn mạnh tay cuộc, cuộc liên tục, không thấy đói, không thấy mệt. Chợt giọng nói thân thuộc lại vang lên : « Thôi mà, nghỉ tay đi huynh, vào đây phê cái đã. Sao hôm nay cuộc tích cực thế ? Coi bộ có chuyển biến tốt rồi đây. Thế nào kỳ này em cũng phải bình bầu cho huynh được làm anh hùng lao động xuất sắc mới được. Hì ! Hì !... » Tôi mỉm cười buông tay cuộc, ngoan ngoãn theo Sơn kiếm một bóng mát làm chỗ nghỉ ngơi. Kéo xong điều thuốc tôi thở khà, lim dim theo rồi

khói thuốc tỏa bay, hả hê thưởng thức cái mệt mỏi đang rần rần tỏa lan cơ thể... Một làn gió mát thoảng qua. Tôi sáng khoái mở mắt nhìn. Bên tôi Sơn vẫn nằm yên như hầy còn phiêu du với khói thuốc. Tấm thân cao thước bảy lăm của chàng thành niên lực lưỡng trước đây giờ chỉ là một thân hình xanh xao gầy guộc trong bộ cây y mục nát chằng chịt các mảnh vá nham nhở. Sơn nằm nghiêng chân hơi co, gối đầu lên tay trái. Tóc Sơn bù xù dài quá ót và phủ kín thái dương. Sơn có vẻ đang ngủ ngon lành. Miệng sơn nhép nhép như đứa trẻ thơ tưởng đang còn bú mẹ. Rồi Sơn lại khẽ nhếch lên một nụ cười khoái trá tinh nghịch. Có lẽ sơn đang tưởng tượng tới lúc thưởng thức cái món vừa chôm chĩa được và thích thú với thành tích qua mặt được vệ binh đem lọt về phòng. Tôi âu yếm nhìn Sơn ngủ ngon lành với cặp mắt chiêm ngưỡng như khi ta chợt bắt gặp một thiên thần. Trước mắt tôi Sơn chính là một Sisyphe bằng xương bằng thịt mà tôi vẫn hoài công tìm kiếm. Xung quanh tôi mọi người như đều chìm đắm trong giấc nghỉ ngơi. Không gian hoàn toàn im ắng. Những luống đất vừa mới xới lên loang loáng màu nâu non như vừa được xoa thêm dầu bằng những giọt mồ hôi của bọn tôi. Đâu đây lại vọt lên vài tia thép từ lưỡi cuốc được mặt trời rọi thẳng vào. « ... *Mỗi hạt cát của phiến đá này. Mỗi tia tán khí ánh lên từ ngọn núi dày đặc bóng đêm này cũng đủ làm nên một thế giới. Cũng vậy, cuộc vật lộn để vằn cho được tảng đá lên đỉnh núi cũng đủ lấp đầy trái tim một đời người. Ta phải tưởng tượng Sisyphe được hạnh phúc...* » Tôi nghe lòng mình thanh thản lạ. Mọi ý nghĩ hận thù hầu như tan biến. Giờ đây tôi chỉ thấy nảy nở một sự cảm thông. Cảm thông với hoàn cảnh sống hiện tại. Cảm thông với Sơn, với những bạn đồng đội khác của tôi. Cảm thông với anh vệ binh có nhiệm vụ canh gác chúng tôi, nhưng giờ đây lại ôm súng lơ là, có chiều còn dăm chiêu tư lự hơn cả bọn tôi. Cảm thông với mảnh đất cần cỗi đang được lên luống này. Cảm thông với mấy gốc cây vẫn cho tôi bóng mát. Cảm thông với tiếng chim hót líu lo rót cho tôi những điệu nhạc êm tai. Cảm thông với bầu trời tang thương rách nát vẫn được gọi là quê hương này nhưng tôi bỗng cảm thấy gần gũi gắn bó... Và vào lúc này tôi mới cảm thấy được và hiểu hết được ý vị và giá trị câu nói của Camus : « *Sentir ses liens avec une terre, son amour pour quelques*

hommes, savoir qu'il est toujours un lieu où le cœur trouvera son accord, voici beaucoup trop de certitudes pour une vie humaine. » (A. Camus – Noces, p, 47 – collect. Folio, Edit. Gallimard, 1959)

(Có được sự gắn bó với một mảnh đất, tạo được mối thân tình với một vài người, biết rằng có một nơi chốn, ở đó con tim ta tìm ra được sự hòa nhịp đồng cảm, ngàn ấy xác tín tương cũng đã quá đủ cho một kiếp người).

K Ê T

Phát biểu trên của Camus cũng là bài học tôi đã rút ra được trong suốt sáu năm gian lao đói khổ trong các trại giam cải tạo. Những thử thách khắc nghiệt tôi phải chịu đựng trong thời gian này không chỉ có là thua thiệt mất mát với tôi. Bù lại, nó cũng là cơ hội tạo điều kiện cho tôi có cái nhìn tinh táo sáng suốt hơn để nhận thức được nguồn vui hạnh phúc mà cuộc sống đã chia đồng đều cho mỗi chúng ta hàng ngày : Được chiêm ngưỡng ánh bình minh rực rỡ báo hiệu một buổi mai đẹp trời ; được tự do thở hít không khí trong lành trước cảnh vật thiên nhiên bao la hùng vĩ ; những lúc được cùng bạn bè hàn huyên bên tách cà phê nơi quán nhỏ... Những niềm vui thuộc về đời sống bình thường ấy, vì quá gần gũi, quá quen thuộc nên bị ta cho là hèn mọn tầm thường, Vì thế ta mới dễ bỏ rơi chúng, đua đòi chạy theo ảo ảnh cuộc đời để rồi trở thành nạn nhân của chính những cao vọng ngông cuồng nơi ta. Điển hình là trường hợp bà Trương Mỹ Lan trong vụ án Van Thịnh Phát với Ngân Hàng SCB. Giờ này chắc bà chỉ biết gặm nhấm mối ân hận tiếc nuối trong bóng tối mà không trông mong được thấy lại ánh sáng. Chỉ riêng ý nghĩ này thôi cũng đủ giúp tôi có được niềm tin để tiếp tục cuộc hành trình.

Và tôi đã thư thái cất bước lên đường.

(Đọc và viết lại với vài sửa đổi và bổ sung để cập nhật hóa ngày 30 -5 - 2024)

Nguyễn Bảo Hưng

(8)* Những phần chữ *in nghiêng* đều là lập luận của Camus nói lên quan điểm của ông về vấn đề « tự tử và phi lý ». Những trích đoạn này (có kèm theo nguyên tác), chúng tôi chỉ làm công tác *chuyển ngữ* nghĩa là có chỗ dịch lại, có chỗ diễn ý hoặc làm sáng ý, miễn sao gắng phản ánh được trung thực tư tưởng Camus. Với những ý tưởng thâm trầm súc tích được diễn tả qua một bút pháp cô đọng đôi khi trừu tượng của Camus, chúng tôi cho rằng tìm cách từng câu từng chữ theo nguyên tác chưa hẳn đã là phương pháp thích hợp để tạo nhịp cầu giao cảm giữa tác giả và độc giả.

(9) Cõi Albérès : **La révolte des écrivains d'aujourd'hui** - Editions Corrrea 1949, Chương mở đầu : *Littérature prométhéenne pp. 11-25* (Thế hệ văn học Prométhée). Prométhée, nhân vật thần thoại Hi Lạp, vì ăn cắp lửa thiêng của thần Zeus (Thái Dương) để đem ánh sáng văn minh cho loài người, nên bị thần Zeus trừng phạt bằng cách đem cột vào dãy núi Caucase để mặc tình cho chim ưng đến moi gan. Nhưng do sức sống bền bỉ nên mỗi lần bị chim ưng ăn hết lá gan, Prométhée lại mọc được ra lá gan khác để nuôi sống mình. Do ý nghĩa biểu tượng của câu chuyện thần thoại này mà Albérès đã xếp các nhà văn Pháp khoảng thời gian 1930-50 như André Malraux, Georges Bernanos, J. P. Sartre, Albert Camus, A. de Saint-Exupéry..., thuộc loại thế hệ Prométhée theo nghĩa :

a) Trước hết, họ là những nhà văn *phản kháng*. Không phải phản kháng chính trị, mà là phản kháng *văn học*. Dù là vô thần như Sartre hay Camus, hay là tín hữu công giáo như Bernanos, bằng cách này hay cách khác họ đều lên tiếng chống lại các nền tảng văn học cổ điển đã trở thành những lâu đài rêu phong mục nát, những tín niệm giáo điều đã trở thành xơ cứng và đặc biệt là thái độ ngụy tín của những kẻ còn bám víu vào những hệ giá trị đã bị xói mòn ấy.

b) Cũng như Prométhée tự nuôi sống bằng chính lá gan do mình tái tạo, thế hệ các nhà văn Prométhée đều không dựa dẫm trên bất kỳ chủ nghĩa hay lý thuyết văn học sẵn có nào, mà bằng tìm tòi sáng tạo và ánh sáng ý thức của chính mình để đề ra những giải pháp ý nghĩa cho đời sống.

Nhân đây, cũng do ý nghĩa biểu tượng của sự tích Prométhée, ta có thể mượn ý của nhà phê bình Albérès mà suy rộng ra rằng các nhà văn phản kháng, các nhà trí thức đấu tranh cho tự do dân chủ, cho nhân quyền tại Việt Nam hiện nay cũng như tại bất cứ nơi nào trên thế giới khi mà ở đó còn độc tài áp bức thì các nhà đấu tranh tư tưởng đó đều có thể coi là những hậu thân của Prométhée : Trước hết do mục tiêu đấu tranh cho lý tưởng tự do dân chủ và nhân quyền, họ cũng là những kẻ muốn ăn cắp lửa thiêng để đem ánh sáng dân chủ tự do mưu cầu cho cuộc sống hạnh phúc thế gian. Tiếp đến, do thái độ phản kháng này mà họ đã phải chịu cảnh khổ sai tù đày, cũng như Prométhée đã phải chịu hình phạt bị chim ưng mổ gan ; nhưng, cũng như Prométhée tái tạo được lá gan, họ vẫn nuôi dưỡng được ngọn lửa đấu tranh bằng tinh thần bất khuất của mình.

Nêu lên các diễn biến trên, chúng tôi chỉ muốn gợi ý rằng ý thức phi lý về thân phận con người Camus đem ra bàn trong « *Le mythe de Sisyphe* » chưa hẳn chỉ là lý thuyết suông và có những chuyện kể mà ta cho thuộc loại hoang đường thì chính những yếu tố hoang đường đó, với ý nghĩa biểu tượng mà chúng chuyển tải, đôi khi lại phản ánh đúng hiện thực xã hội loài người.

B.

(10) *Lên kên* : Từ để chỉ một con người cao lớn dáng đi khệnh khạng, hai tay buông thõng như con khi dợt, cái nhìn kên kên ra chiều thách đố.

(11) *Ruồi bu* : Chuyện « ruồi bu » là những câu chuyện gây tranh cãi ồn ào nhưng rút cục chẳng đi tới đâu, thường được nghe tại những buổi hội hè hay những bữa tiệc tùng đình đám. Đề tài tranh cãi thuộc đủ loại không phân biệt thượng vàng hạ cám, từ chính trị, văn chương, triết học, nghệ thuật đến cờ bạc, ăn nhậu, đi điếm... Tích cực tham gia nhất vẫn là những khuôn mặt ưa nổi để được nổi bằng những câu đao to búa lớn với những lập luận khoa trương phần lớn dựa trên một số giai thoại, một vài tin tức nghe ngóng được hay một vài kiến thức sách vở còn chưa kịp tiêu hóa. Hai chữ « ruồi bu » là từ rút gọn của thành ngữ « ruồi bu cặc ngựa ». Tôi không biết ai là tác giả câu nói này, nhưng vừa mới khai sinh nó đã trở thành câu nói cửa miệng của dân lính tráng và chẳng mấy chốc đi vào ngôn ngữ văn hóa dân gian (cũng như một số từ ngữ khác) biểu thị cho cái không khí sinh hoạt phóng khoáng và óc tưởng tượng phong phú của giới bình dân miền nam Việt Nam trước 1975. Câu nói sở dĩ chóng được phổ biến, theo tôi, ấy là do cái ý vị ranh mãnh hóm hỉnh hàm chứa một sự mỉa mai riêu cợt qua phong cách diễn tả rất ấn tượng của nó .

(11) *Cánh cụp cánh xòe* : Mặc dù thau cơm đã được chia ra từng phần rất đều dưới con mắt quan sát của các tổ viên, nhưng người trực phiên trong ngày lại tìm cách hướng lòng cái muôi lớn để chia cơm về phía hai tổ viên bên cạnh (cánh cụp), còn lưng muôi về phía mình (cánh xòe). Dĩ nhiên là phần cơm ở phía cánh xòe bao giờ cũng lợi hơn hai phần ở phía cánh cụp, vì được dôi ra mỗi bên một chút. Tuy nhiên mảnh lới chia cơm này chẳng mấy chốc cũng bị lật tẩy trước cảnh đối chung của các trại viên.

(12) *Lạnh căng, rét* : Ngại ngùng, e sợ. Tôi hiểu ý nghĩa mấy tiếng này nhờ những lần được trò chuyện với một vài người bạn cùng trại vốn là lính Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến , Biệt Động Quân, Lực Lượng đặc biệt ... Điều này thoạt nghe có vẻ nghịch lý bởi vì những binh sĩ thuộc các binh chủng này đều được coi là những thành phần gan dạ thiện chiến, không biết sợ là gì. Thuộc thành phần tổng trừ bị, họ thường được sử dụng trong những trận đánh có tính cách quyết định. Chính vì vậy mà họ mới biết thế nào là *rét*, thế nào là *lạnh căng*. Rét và lạnh căng ở đây không có nghĩa là họ lo sợ bị mất mạng trong khi thi hành nhiệm vụ, mà vì do tính khốc liệt của những trận đánh quyết định sống còn, họ đã trở thành tác nhân đồng thời cũng là chứng nhân của những hành động chém giết say máu điên cuồng biến con người đôi khi trở thành những con thú dữ hầu như mất hết nhân tính. Còn khủng khiếp hơn nữa với họ là khi phải ban cho đồng đội phát súng ân huệ theo lời yêu cầu để tránh cho anh ta khỏi phải kéo dài sự đau đớn trong tình trạng vô phương cứu chữa. Cái được gọi là *rét* hay *lạnh căng* trong những trường hợp này, do đó, không phải là cái sợ hãi do hèn nhát của những kẻ tham sinh úy tử. Trái lại nó là biểu hiện của cái sợ *nhân bản* nói lên phẩm chất của những con người dũng cảm không ngại dấn thân vào nơi dầu sôi lửa bỏng, nhưng lại lo sợ cho cái nhân tính của mình có thể bị mất mát.

(13) « *Cái mũi Cléopâtre : nếu nó ngắn đi chút đỉnh, bộ mặt thế giới có thể đã hoàn toàn đổi khác.* » (*Le nez de Cléopâtre : s'il eût été plus court, toute la face de la terre aurait changé.* » Blaise PASCAL, *Pensées*- ch. 24 : Vanité de l'homme.) : Nữ hoàng Cléopâtre nổi tiếng là

người đẹp Ai Cập với cái mũi dài thanh tú đã mê hoặc được tướng Marc Antoine khiến ông này nổi dậy chống lại triều đình La Mã dẫn đến hậu quả là sự tan rã của đế quốc La Mã. Pascal (1623- 1662), nhà bác học, triết học kiêm thần học Pháp đã có ý mượn sự tích Cléopâtre để tìm cách thuyết phục giới quý tộc hoang đàng (les libertins) rằng mọi sự ở cõi đời này đều phù du cát bụi vì chỉ là kết quả của ngẫu nhiên, may rủi ; do đó chỉ có Thiên Chúa giáo mới là con đường dẫn họ đến đời sống vĩnh hằng.

NGUYỄN BẢO HÙNG

